

CHƯƠNG 2:

NGHIÊN CỨU VỀ CÁC LÝ THUYẾT QUÂN SỰ CỔ ĐIỂN CỦA TRUNG HOA

1. NGUỒN GỐC VÀ ĐẶC TÍNH CỦA TRIẾT HỌC QUÂN SỰ CỔ ĐIỂN TRUNG HOA

Tài liệu đầu tiên đề cập đến nghệ thuật chiến tranh tại Trung Hoa có thể truy nguyên là truyền thuyết về Hà Đồ và Lạc Thư, vốn được coi như những trận thế do một số lãnh tụ bộ lạc ở tỉnh Thiểm Tây, gần sông Hoàng Hà đặt ra cách đây từ 6000 đến 7000 năm trước. Một ngàn năm sau, Phục Hi, một tù trưởng khác tại Hà Nam, cảm ứng từ các hình vẽ này đã đặt ra Bát Quái, tức 8 quẻ, được coi như là những trận đồ cao siêu hơn. Tuy nhiên những công trình đó không phải là sách thật vì thời đó chữ viết chưa xuất hiện tại Trung Hoa. Theo nhiều tài liệu lịch sử cổ khác nhau thì dường như Hoàng Đế, thủy tổ khai sáng ra nước Tàu, đã viết một số sách về chiến pháp. Tuy nhiên, sách vở Trung Hoa về nghệ thuật chiến tranh chỉ bắt đầu phát triển từ cuối triều đại nhà Chu. Kể từ đó, hơn một ngàn tác phẩm đã được xuất bản.

Theo Lục Đạt Tiết (Lu Dajie), tác giả cuốn Trung Quốc Lịch Đại Binh Thư Khái Luận (Hongkong 1969) có tất cả 1340 tác phẩm, tổng cộng trên 6830 tập. Tuy nhiên, đa số những sách này đã thất truyền. Chỉ còn lại 288 cuốn, tổng cộng 2160 tập còn lưu lại đến ngày nay. Hơn nữa, một số lớn các di phẩm này hoặc chỉ còn một bản hay do tư nhân sưu tập không phổ biến cho đại chúng. Thành ra chỉ có 178 tác phẩm là có bán ngoài thị trường.

Họ Lục lượng định số lượng sách vở còn tồn tại dựa trên tài liệu của bộ đại từ điển Tứ Khố toàn thư đời Càn Long là một tổng hợp vĩ đại của mọi học giả, mọi ngành xuất bản hồi cuối thế kỷ 18. Từ đó tới nay, Trung Hoa đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh và chắc chắn là một số các binh thư này lại bị hủy hoại hay hư hỏng nữa. Cho nên, số sách hiện tại còn lưu giữ đến hôm nay chắc ít hơn con

số họ Lục đưa ra nhiều, mặc dù không thể đưa ra được một con số chính xác.

Từ những cuốn sách còn lại, các nhà nghiên cứu đã nêu ra một số đặc điểm độc đáo của triết học quân sự Trung Hoa. Trước hết, lý thuyết quân sự của Trung Hoa đầu tiên được phát triển hồi cuối đời Chu hay còn gọi là Xuân Thu (770 - 476 trước TL) và Chiến Quốc (475 - 221 trước TL). Từ đó trở về sau, sự phát triển của tư tưởng quân sự Trung Hoa thiên về giải thích binh thư cũ hay giải đáp một số vấn đề kỹ thuật và chi tiết. Một số tác phẩm còn bàn luận về những nghi thức mê tín như bùa chú, bói toán và chiêm tinh. Những sách về sau chỉ phụ đề cho các sách in trước, rất ít sách đóng góp đáng kể về lý thuyết. Cho nên, khi nghiên cứu về triết học quân sự cổ truyền của Trung Hoa người ta thường chỉ nhấn mạnh về các tác phẩm có trước đời Tần hay còn gọi là Tiên Tần và rất ít chú trọng đến những sách đời sau. Việc lược bỏ đó không ảnh hưởng nặng nề đến công tác nghiên cứu triết học quân sự Trung Hoa. Lục Đạt Tiết đã viết:

Những chiến lược gia lỗi lạc nhất của Trung Hoa thời cổ là Tôn Tử và Ngô Khởi. Các tư tưởng do những người trước Tôn và Ngô đều được họ kế thừa, trong khi những người đi sau Tôn và Ngô lại cảm hứng từ họ mà có. Mặc dầu có những thay đổi vô cùng to lớn trong việc phát triển nghệ thuật chiến tranh trong kỷ nguyên vừa qua tại Trung Hoa, những thay đổi đó cũng không vượt ra khỏi con đường Tôn và Ngô đã vạch. Vì thế, không ngại ngần gì mà nói rằng tất cả những binh thư sau Tôn Ngô cũng là của Tôn Ngô.

Đối với nhiều học giả nghiên cứu trong ngành này, lời nói đó có quá giản lược, nhưng cũng đúng nếu nói rằng triết học quân sự cổ điển của Trung Hoa hình thành được nét đặc thù của nó đời Hậu Chu là do Tôn Tử và Ngô Khởi và từ đó tới sau không có gì thay đổi một cách rõ rệt. Lý do của hiện tượng này sẽ bàn tới sau, nhưng ở đây đủ để cho chúng ta hiểu rằng điều kiện kỹ thuật, xã hội-kinh tế và hệ thống chính trị đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến triết học quân sự.

Thứ hai, triết học quân sự cổ điển Trung Hoa không chỉ giới hạn trong các binh thư hay các tác phẩm của các chiến lược gia quân sự mà nằm rải rác trong các tác phẩm không bàn về quân sự của các triết gia và chính trị gia. Các sách về thuyết Kiêm Ái, Khổng Giáo, Đạo giáo và nhiều sách khác đều chứa đựng một số quan điểm về chiến tranh và có ảnh hưởng rất nhiều đến lý thuyết của các chiến lược gia. Nói chung, tất cả các sách nói về chiến tranh đều dựa trên các học thuyết chính trị của Trung Hoa thời cổ. Chẳng hạn như Tôn Tử thường nói là ảnh hưởng bởi Đạo Giáo trong khi Ngô Khởi thì nói là ảnh hưởng của Khổng Giáo. Cả hai công trình tuy nhiên đều cho thấy các nguyên tắc nhân bản đã chi phối chủ yếu quan điểm của tác giả về chiến tranh. Là một môn đồ Khổng Giáo, Ngô Tử khuyên các nhà cai trị nên phản ánh tinh thần đạo đức và thi hành nhân chính trong việc trị dân. Nhà vua phải đạt được Tứ Hòa trước khi có thể có chiến tranh với nước khác.

Nhấn mạnh vào sự quan trọng của đạo đức trong chiến tranh, Tôn Tử cho rằng phải theo đuổi chiến lược ” Toàn ” nghĩa là làm sao không phải giết người. Ông viết:

Điều tốt nhất là chiếm được nước địch một cách toàn vẹn, còn phá hủy là không bằng. Cũng như thế, tốt hơn hết là bắt giữ một đạo quân hơn là tiêu diệt họ.¹

Quan niệm nhân bản được các chiến lược gia thừa nhận khi bàn về chiến tranh nên muốn hiểu rõ nghệ thuật điều binh của Trung Hoa thời xưa không thể không biết qua về triết học chính trị và hệ thống giá trị cũ. Tăng Quốc Viên trong tác phẩm Triết học chiến tranh đời Tiên Tần (Tiên Tần Chiến Tranh Triết Học, Đài Bắc, 1972) đã viết rằng triết học chính trị trước đời Tần bao gồm cả triết học quân sự trong đó nữa. Cho nên tới một mức độ nào đó, người ta không thể không dẫn chứng triết học chính trị khi bàn luận về lý thuyết quân sự của Trung Hoa.

¹Nguyên văn: Phù dụng binh chi pháp, toàn quốc vi thượng, phá quốc thứ chi, toàn lữ vi thượng, phá lữ thứ chi, toàn tốt vi thượng, phá tốt thứ chi, toàn ngũ vi thượng, phá ngũ thứ chi. (Tôn Tử Binh Pháp, Mưu Công Thiên)

Thứ ba, trong việc dùng các binh thư cổ, người ta gặp vấn đề các tài liệu giả gọi là Ngụy Thác hay Ngụy Thư. Cả hai đều chỉ những sách vở đáng ngờ nhưng không hoàn toàn giống nhau. Ngụy Thư nói về sách cổ đã tìm ra là bị giả mạo, không đúng niên kỷ hay đề sai tác giả. Ngụy Thác không ra ngoài những định nghĩa trên nhưng nhấn mạnh về việc sách mới soạn giả vờ là sách xưa.

Ngụy Thư và Ngụy Thác không chỉ nằm trong các loại binh thư mà còn liên quan đến những đề mục đáng ngờ. Như Tăng Quốc Viên đã viết:

Các sách vở xuất hiện trước đời Tần thường lẫn lộn các dữ kiện đáng ngờ với các chi tiết giả ... thường hay tìm thấy trong các loại Chí trong khi các loại Kinh thường hay bị mạo hóa. Theo Lục Đạt Tiết, ngoài tên tác giả, các loại binh thư cổ đa số là Ngụy Thác. Không thể tin được rằng Hoàng Đế và Huyền Nữ mỗi người đã soạn hơn một chục quyển sách, Thái Công (Khương Thượng), Hoàng Thạch Công, Gia Cát Lượng và Lý Vệ Công (Lý Tĩnh) mỗi người viết từ 10 đến 30 cuốn sách. Người càng xưa lại càng viết nhiều. Theo thường lý thì chuyện đó không thể nào tin được. Lý do có quá nhiều Ngụy Thư bởi vì nhiều sách cổ không do chính tác giả viết mà phần lớn do các môn đệ hay hậu duệ góp nhặt và san định sau. Cho nên không khỏi không có một số thêm thắt và tài liệu sai lầm được đưa vào. Các loại Ngụy Thư này, theo Tăng Quốc Viên có thể dùng được không đáng ngại. Nếu một quyển sách hoàn toàn ngụy tạo, có thể dùng được hay không là do định được thời gian nó được viết ra. Nếu một cuốn sách bàn về triết học chiến tranh cổ được làm giả trước đời Tần bởi một người sống cùng thời, ngụy thư đó có thể chứa đựng một số dữ kiện giá trị của niên đại ấy. Vì thế nó vẫn có thể dùng được. Đối với các binh thư cũ, Tăng cho rằng phần lớn lai lịch bất minh nhưng vì không có tài liệu nào khác nên muốn dùng phải hết sức thận trọng và căn cứ vào nhận định riêng mà cho là có giá trị hay không.

Với những vấn đề như thế và những mục tiêu giới hạn đề ra riêng cho chương này, chúng ta cần phải đưa ra những tổng tắc để phân tích ngõ hầu tránh khỏi những mâu thuẫn không cần thiết:

1/ Mặc dầu các binh thư cổ chỉ còn độ 20% những gì Lục Đạt Tiết đã nêu ra nhưng cũng sẽ quá tham lam nếu duyệt qua tất cả. Hiện nay, việc đó không những không thể làm được mà cũng chẳng cần làm vì theo Lục Đạt Tiết thì một số lớn chỉ bàn về triết học chiến tranh hay bình chú những tác phẩm khác. Dù chỉ tìm hiểu những tác phẩm chính, chúng ta cũng không bỏ sót những điểm quan trọng. Do đó, những sách về lý thuyết quân sự dùng trong phân tích này phần lớn liệt kê trong bộ Trung Quốc Binh Pháp Đại Toàn của Lý Dục Nhật (Li Yuri). Bộ này gồm 15 tập bao gồm hơn 30 tác phẩm chính.

2/ Về triết học chiến tranh, các tài liệu chủ yếu dựa trên các binh thư nổi tiếng. Những tác phẩm không thuộc về quân sự chỉ được dùng trong những trường hợp cá biệt để dẫn chứng về nguồn gốc triết học và ý thức về chiến tranh. Cuốn sách này không chủ trương đào sâu về Khổng học, Đạo học hay Mặc học trừ trường hợp hết sức cần thiết.

3/ Sẽ nhấn mạnh về những lý thuyết nằm trong sách vở trước đời Tần hơn là những đời sau vì khung hình tư tưởng được phát triển trong thời kỳ này. Những giá trị các tác phẩm sau đời Tần, trên nhãn quan lý thuyết không đáng kể. Tuy nhiên sẽ có một đối chiếu ngắn trước khi dứt chương.

2. BỐI CẢNH XÃ HỘI - CHÍNH TRỊ VÀ HẬU QUẢ CỦA NÓ TRÊN TRIẾT HỌC QUÂN SỰ ĐỜI TIÊN TẦN

Lịch sử Trung Hoa có từ trước đời Tần rất xa. Trong huyền sử đã có nhiều khái niệm về nghệ thuật chiến tranh và như đã đề cập trước đây có thể tìm thấy từ đời Hoàng Đế và Phục Hi (từ 6000 đến 7000 năm trước Tây Lịch). Tuy nhiên những truyền thuyết này không có gì xác thực nên không thể dùng trong việc phân tích một cách nghiêm chỉnh. Cũng giống như hầu hết các học giả nghiên cứu

về triết học quân sự cổ điển Trung Hoa, tác giả cũng chỉ thu hẹp định nghĩa của Tiên Tần vào thời kỳ Xuân Thu và Chiến Quốc, vì hầu hết những tác phẩm giá trị là do những nhân vật đời này soạn ra.

Xuân Thu và Chiến Quốc là thời đại hoàng kim của văn minh cổ Trung Hoa. Những tác phẩm vĩ đại về triết học quân sự và các ngành triết học khác của Trung Hoa cổ xuất hiện giai đoạn này. Những học giả nghiên cứu về Trung Hoa đều đồng ý rằng đây là thời kỳ có một không hai và cũng chưa từng có trên lãnh vực phát triển văn hóa. Thời kỳ đó quả xứng danh là "bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh" (trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng). Khổng học, Đạo học, Mặc học ... và nhiều ngành triết học khác ngự trị khung cảnh chính trị-xã hội Trung Hoa hơn 2500 năm qua là điển hình của một giai đoạn phát triển văn hóa sôi động. Tại sao người Trung Hoa có thể hình thành những triết học vĩ đại như thế và trên hết, những lý thuyết quân sự vào thời kỳ ấy ? Và tại sao không có những tác phẩm giá trị ngang ngửa xuất hiện sau đời Tần ? Câu trả lời có thể tìm thấy trong bối cảnh chính trị-xã hội của thời đại này.

A. Bối cảnh xã hội-chính trị thời Hậu Chu

Triều đại nhà Chu bắt đầu vào năm 1118 trước TL sau khi lật đổ nhà Thương. Thời đó, Trung Hoa được hưởng một thời gian dài hòa bình và thịnh vượng chưa từng có trong lịch sử cho tới khi bị người Khuyển Nhung (Quanrong), một giống rợ sống thành bộ lạc vùng tây bắc Trung Hoa xâm lăng vào năm 771 trước TL. Liên kết với bố vợ của U Vương (tức Thân Hầu, cha của Khương Hậu), quân Khuyển Nhung chiếm kinh thành và giết U Vương.

Khi Bình Vương nối ngôi, ông bắt buộc phải dời kinh đô từ đất Cảo (gần Tây An thuộc Thiểm Tây ngày nay) sang phía đông đến Lạc Dương (tỉnh Hà Nam hiện nay). Vì Lạc Dương nằm ở phía đông đất Cảo, nhà Chu sau năm 771 trước TL được sử gọi là Đông Chu. Từ năm 771 trước TL đến khi bị lật đổ năm 249 trước TL, nhà Đông Chu không bao giờ còn có thể trở lại thời kỳ thịnh vượng và ổn định như trước nữa. Một thời kỳ loạn lạc bắt đầu.

Vì sự suy sụp của triều đình trung ương, các vương hầu bắt đầu mở rộng bờ cõi bằng chinh phạt quân sự. Vào thế kỷ thứ 8 trước TL, khi nhà Đông Chu mới thành lập, Trung Hoa có khoảng 200 tiểu quốc nhưng sau các nước sáp nhập lại thành 7 nước lớn (với vài biệt lệ) và vẫn tiếp tục đánh nhau hơn 250 năm nữa trước khi nhà Tần thống nhất toàn quốc năm 221 trước TL.

Trong suốt gần 5 thế kỷ binh đao, triều đình trung ương yếu dần và hậu quả là cả nước rơi vào một tình trạng vô chính phủ. Sự phân hóa của hệ thống chính trị và sự yếu kém của giai cấp lãnh đạo đã đưa tới cơ hội cho người bình dân có thể lên cầm quyền. Đạo đức xã hội không còn nữa, dân chúng sống trong những điều kiện cực kỳ khốn khổ. Những biến đổi về xã hội và chính trị có ảnh hưởng rất quan trọng trên triết học quân sự của Trung Hoa.

Từ khi triều đình bị suy yếu và về sau biến mất, các vương hầu đánh lẫn nhau để tranh giành quyền lực. Vì thế, việc kiểm soát tư tưởng của nhà cầm quyền không còn nữa và các ngành học thuật được hoàn toàn tự do không bị cấm đoán. Thay vào đó, các trường tư được hoạt động. Dường như thời này dân chúng được hưởng quyền tự do ngôn luận và đi lại. Không những người dân muốn nói gì thì nói mà họ còn có thể đi từ nước này sang nước khác để đàm bán các tư tưởng của họ cho những nhà lãnh đạo nào chịu nghe. Trong hoàn cảnh đó, kẻ nào có tài và có đầu óc muốn phò tá các vương hầu đều có thể tiến thân rất nhanh trên lãnh vực quân sự. Thời đại đó thai nghén cho giai đoạn trăm nhà đua tiếng (bách gia tranh minh). Nhiều hệ phái triết học và lý thuyết quân sự khác nhau được giai cấp Sĩ thời đó phát huy, trong đó gồm cả người bình dân có học lẫn danh gia tử đệ.

B. Các tư tưởng chính trị cận đại và ảnh hưởng của nó trên các lý thuyết quân sự

Đời sống quần chúng cơ cực là vì triều đình trung ương suy thoái và các vương hầu đánh lẫn nhau. Các Nho gia tin rằng nếu tôn Chu nghĩa là quay trở lại thời kỳ cũ, tôn trọng trật tự chính trị thì loạn lạc

sẽ chấm dứt. Khổng Tử chống lại việc chiến tranh giữa các tiểu quốc và việc soán nghịch của các vương hầu.

Mặc dầu các Nho gia không thành công trong việc khôi phục nhà Chu và chấm dứt chinh chiến, nhưng những quan điểm của họ như việc tôn phò nhân chính (hành vi mẫu mực của người cầm quyền) sự quan trọng của đạo đức trong một xã hội phú cường, đã trở thành tư tưởng chủ đạo cho những chiến lược gia quân sự và ảnh hưởng đến lý thuyết của họ về chiến tranh.

Khoảng một trăm năm sau khi Khổng Tử tạ thế, Mặc học trở nên một trường phái phổ thông. Người ta nói rằng Mặc Dịch, sáng tổ của Mặc học đã theo học Nho gia nhưng sau đó không thỏa mãn với Khổng học nên quay lại chống đạo Nho. Trong giai đoạn đầu thời Chiến Quốc, Mặc học là đối thủ chính của Khổng học. Mặc gia đồng ý với Khổng gia là cần một chính quyền tốt và khôi phục hệ thống chính trị cũ để cải thiện đời sống người dân. Họ cũng chống lại chiến tranh chinh phạt nhưng ủng hộ chiến tranh tự vệ. Mặc Dịch đã có lúc cùng các môn đệ giúp nước Tống chống lại nước Sở xâm lăng. Chiến tranh chống xâm lược, hay phi công (feigong) có liên quan mật thiết đến thuyết kiêm ái của Mặc gia nghĩa là mở rộng tình yêu thân quyến, bằng hữu đến yêu thương tất cả mọi người.

Bước đầu của kiêm ái là đừng ghét ai. "Thù ghét là nguồn gốc lớn nhất của chiến tranh". Triết học Mặc gia về phi công căn cứ trên quan điểm thực dụng vì những mất mát và đau khổ do chiến tranh đem tới vượt xa những lợi lộc đem lại. Tuy nhiên họ không phủ nhận chiến tranh tự vệ. Xấu xa chỉ có khi đi xâm lăng, chinh phạt người khác. Nếu con người không xâm lăng lẫn nhau thì thiên hạ sẽ thái bình.

So với Khổng học và Mặc học, Đạo học có thái độ tiêu cực hơn đối với cả hệ thống chính trị lẫn chiến tranh. Triết học Đạo giáo vẫn được coi là huyền bí. Nguyên thủy của vũ trụ là Đạo, là nguyên lý tối thượng của hình thành mọi việc. Đối với Đạo gia, Đạo là mẹ của mọi sự nhưng cũng không là gì cả. Mọi vật từ hư không (Vô) mà ra là định luật của tự nhiên.

Đối với các trường phái triết học cổ điển khác, Đạo được xem như một nguyên tắc chung của con người, một định luật luân lý chứ không phải định luật thiên nhiên. Khi ứng dụng vào nghệ thuật dùng binh, Tôn Tử và Ngô Tử coi như một định luật luân lý.

Đạo gia chống lại mọi loại chiến tranh, nhưng điều đáng quan tâm là thái độ thụ động của họ lại có một ảnh hưởng đáng kể trên các lý thuyết của các chiến lược gia quân sự cổ thời của Trung Hoa. Đạo gia tin rằng tính có thể chế động, kẻ yếu có thể chống được kẻ mạnh. Tương tự, nhu có thể chế cương. Nước bản chất là nhu, thuận theo mọi hình thái của đất nhưng có thể làm vỡ đê điều và phá hủy những gì ngăn cản nó. Tôn Tử so sánh trạng thái của nước với hình thức của quân đội.

”Một đạo quân cũng chẳng khác gì nước cũng như nước chảy tránh chỗ cao mà tuôn vào chỗ thấp nên quân cũng tránh mạnh mà đánh vào yếu. Cũng như nước theo hình thế của đất, quân cũng thủ thắng theo tình trạng của địch”²

Khác với tất cả các nhà khác, Pháp gia là trường phái lỗi lạc nhất và tích cực nhất trong các thế lực xã hội, hết tâm hết sức chuyển theo các biến đổi xã hội đời Tiên Tần. Họ còn nóng lòng đề xướng cải cách nhiều hơn nữa.

Sáng tổ của Pháp gia là Quản Trọng nước Tề. Là quan Tế Tướng, Quản Trọng đưa ra một loạt chính sách để củng cố binh bị và hệ thống kinh tế. Các chính sách của ông có thể thu tóm vào hai chữ ổn định và hùng cường. Để ổn định, ông nhấn mạnh vào việc áp dụng luật pháp, để hùng mạnh ông xây dựng hệ thống dân quân. Nó được gọi là dùng quân lệnh để phục vụ hành chính (Dĩ quân lệnh vụ nội chính, Gi Junling Yu Neizheng) , một cái tên nhấn mạnh sự liên kết giữa quân đội và hệ thống hành chánh địa phương. Hệ thống này không những đưa Tề lên ngôi bá chủ mà còn tạo được một tình trạng tương đối hòa bình giữa các chư hầu trong hơn 40

² Nguyên văn: Phù binh hình tượng thủy, thủy chi hình, tị cao nhi xu hạ. Binh chi hình, tị thực nhi kích hư. Thủy nhân địa nhi chế lưu, binh nhân địch nhi chế thắng (Tôn Tử Binh Pháp, Hư Thực Thiên)

năm, ảnh hưởng đến hệ thống quân sự Trung Hoa và triết học chiến tranh.

Mặc học sau này cũng được áp dụng bởi hầu hết các nước theo nhiều mức độ khác nhau. Hệ thống dân quân làm cho quân đội bành trướng và vì thế chiến lược, chiến thuật cũng như điều động chỉ huy trở nên vô cùng phức tạp và các tướng lĩnh phải chọn những người có khả năng chuyên môn. Cho nên, các những người có kiến thức đặc biệt về quân sự được các vương hầu bổ nhiệm trong những chức vụ trọng yếu. Có lẽ chính vì thế mà những tác phẩm lỗi lạc nhất về binh bị xuất hiện trong thời kỳ này.

Sự thay đổi trong hệ thống binh bị khiến cho chi phí quốc phòng trở nên rất cao. Thương vong cũng rất nặng nề và ảnh hưởng đến thái độ của các triết gia Trung Hoa đối với chiến tranh. Các Nho gia, Mặc gia, Đạo gia đều có thái độ tiêu cực theo nhiều mức độ khác nhau. Chẳng hạn như Mạnh Tử, một Nho gia lỗi lạc thời Chiến Quốc, đã đả kích chiến tranh và kết án nặng nề những chiến sĩ lỗi lạc thời đó. Ông viết:

Kẻ nào thiện nghệ trong chiến đấu đáng bị trừng phạt nặng nề. Tử hình không đủ cho những kẻ giết người đầy mặt đất³

Thái độ đó ảnh hưởng mạnh mẽ đối với các chiến lược gia cổ thời. Hầu hết đều thận trọng hơn và đưa đến khuynh hướng thủ nhiều hơn công, ít nhất cũng trong giai đoạn khởi động chiến tranh.

Phái Pháp gia được hoàn toàn áp dụng tại nước Tần dưới sự lãnh đạo của Thương Ưởng. Các chính sách của ông ta có thể giản lược trong hai điểm: hệ thống tưởng thưởng trong quân đội và luật pháp. Nông dân nước Tần đều phải gia nhập dân quân, họ được huấn luyện để cày ruộng trong thời bình và chiến đấu trong thời chiến. Dựa trên hệ thống tưởng thưởng, kẻ nào giết được nhiều địch nhất sẽ được khen thưởng nhiều nhất. Chính sách thứ hai là bảo đảm quyền tối thượng của luật pháp, ngay cả thái tử nếu phạm luật cũng

³ Nguyên văn: Tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh dã, tranh thành dĩ chiến, sát nhân doanh thành, thử sở vị tốt thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử (Mạnh Tử, Ly Lâu Thượng)

bị trừng phạt. Các chính sách này giúp Tần bá chủ 6 nước còn lại và dần dần thống nhất Trung Hoa vào năm 221 trước TL sau 5 thế kỷ rưỡi chiến tranh.

Phái Pháp gia chia làm ba phái mỗi phái nhấn mạnh một chính sách khác nhau: một phái nhấn mạnh vào thẩm quyền của người cai trị, phái khác nhấn mạnh hệ thống tổ chức, đường lối và thủ đoạn các vương hầu và phái thứ ba chú trọng về luật pháp. Cả ba sau gom lại làm một do Hàn Phi. Dưới lý thuyết hợp nhất này, bậc chí tôn của một nước có thẩm quyền hoàn toàn không những trong việc làm luật mà còn có quyền quyết định luật pháp có bị vi phạm hay không và một người sẽ bị trừng phạt như thế nào. Việc nhấn mạnh vào đường lối, thủ đoạn cho phép vua chúa muốn dùng phương tiện gì cũng được để đạt tới mục tiêu. Khi áp dụng vào thực tế, họ trở thành bạo chúa, luật pháp là để áp chế quần chúng và một người dù phạm tội nhỏ cũng có thể bị xử tử.

Vì nhấn mạnh vào quân đội, phái Pháp gia đời Chiến Quốc đều là những chiến lược gia quân sự, và ngược lại. Lý Lý (hay Lý Khôi), Thương Ưởng đều có cầm quân và viết binh thư và đều thuộc phái pháp gia. Ngô Khởi vừa là chiến lược gia vừa là Pháp gia. Cho nên các học giả về triết học quân sự ở Đài Loan, chẳng hạn như Tăng Quốc Viên, đồng hóa các chiến lược gia cổ thời với Pháp gia. Việc nhấn mạnh vào kỷ luật quân đội, quyền tối thượng và tuyệt đối của cấp chỉ huy, và được quyền mưu mẹo, lừa đảo cả với kẻ thù lẫn với binh sĩ có thể được giải thích như là việc áp dụng các nguyên tắc của Pháp gia.

C. Tương quan giữa các chư hầu và Lý Thuyết quân sự

Quan niệm của người Trung Hoa là muốn có thái bình thì toàn thể phải thống nhất dưới sự lãnh đạo của một chính quyền trung ương. Thực vậy, lịch sử đã chứng minh rằng khi chính quyền trung ương sụp đổ, nhiều lãnh tụ địa phương có tham vọng gây chiến để lên ngôi hoàng đế chứ ít có ai chấp nhận thành lập một thể chế chính trị riêng của mình. Vì thế việc các chư hầu thiết lập được một tương quan bền vững là điều rất khó khăn. Biệt lệ duy nhất cho định

luật này trong lịch sử Trung Hoa là thời Chiến Quốc, khi đó các chư hầu thành công trong việc hình thành một tương quan bình đẳng giống như nguyên tắc ngoại giao ngày nay.

Như đã trình bày ở trên, vào thế kỷ thứ 7 trước TL, khi chính quyền trung ương suy yếu, việc phân hóa chính trị của Trung Hoa khiến các bộ tộc ở miền Bắc (và sau cả miền Nam) có cơ hội xâm lấn trung nguyên. Có thời quân rợ đe dọa trực tiếp việc tồn vong của một số nước. Vì an ninh chung, các vương hầu bắt buộc phải tạm thời gác những dị biệt để hình thành một liên minh chống di địch. Tề Hoàn Công, được Tể Tướng Quản Trọng phò tá, đã đạt được bá quyền các nước khác và kêu gọi hợp tác với nhau dưới khẩu hiệu tôn phò vương thất, chống lại hung nô. Ông đã đem quân chinh phạt 28 lần trong thời gian 43 năm trị vì. Để củng cố nghiệp bá, Hoàn Công mời các chư hầu họp thượng đỉnh với nhau 26 lần. Các thỏa ước được ký kết trong đó có khoản các chư hầu thề không xâm lấn lẫn nhau. Hoàn Công sẽ là trọng tài nếu có tranh chấp. Mặc dầu có vài vi phạm, tình hình tương đối ổn định giữa các nước.

Sau khi ông chết, các nước đánh lẫn nhau để tranh ngôi bá chủ và Tấn Cảnh Công sau cùng thay thế Hoàn Công. Trong thời gian tranh ngôi bá, Cảnh Công khôn ngoan xúi nước này đánh nước kia, tìm những đồng minh và cô lập các kẻ thù và do đó đánh bại từng nước một. Không bị lệ thuộc vào nước nào, năm 546 trước TL, một nước nhỏ là nước Tống đề xướng một hội nghị giữa các nước lớn. Một thỏa ước đa phương và một thề ước không xâm lăng các nước láng giềng đã đạt được sau nhiều vận động ngầm. Hiệp định đó dọn đường cho một thời gian hòa bình kéo dài hơn 40 năm.

3. Ý NIỆM QUỐC PHÒNG VÀ ĐẠI CHIẾN LƯỢC THỜI TIÊN TÂN

Như đã đề cập trước đây, nhiều cuộc tranh luận về tác giả và thời kỳ soạn thảo được đặt ra cho một số binh thư nói là viết thời Xuân Thu, Chiến Quốc. Tuy nhiên, hầu hết các học giả nghiên cứu về triết học quân sự của Trung Hoa đều đồng ý trên nguyên tắc rằng Lục Thao, Tôn Tử, Ngô Tử, Tư Mã Pháp và Úy Liễu Tử quả

thực được sản sinh vào thời Xuân Thu hay Chiến Quốc. Cho nên thảo luận của chúng tôi nơi đây chỉ giới hạn trong những tác phẩm không bị nghi vấn mà thôi.

Tại Trung Hoa thời cổ, không có một phân định rõ rệt giữa cấp chỉ huy quân sự và quan lại. Những nhà quý tộc làm quan trong thời bình cũng được huấn luyện và giữ nhiệm vụ binh bị trong thời chiến. Người Trung Hoa hãnh diện gọi hệ thống này là Văn Võ Hợp Nhất, có nghĩa là kết hợp giáo dục văn chương với kỹ thuật binh bị chiến đấu. Trong nhiều trường hợp, các sách vở chỉ đề cập sơ lược đến quân sự mà thôi. Tuy nhiên theo quan niệm tân thời, những vấn đề không liên quan đến quân sự được đề cập đến trong sách có thể coi như những quan niệm căn bản của chiến lược quân sự. Hai chương đầu của sách Lục Thao bàn về các đề mục xã hội - kinh tế và chính trị và đã được Từ Bội Căn (Xu Peigen) coi như những chiến lược cách mạng hay chiến lược chính trị. Ngô Tử bắt đầu bằng thiên Đồ Quốc (Tuguo) liên quan chính đến nguyên tắc cai trị. Úy Liễu Tử bàn về tương quan giữa hành quân và hệ thống xã hội - chính trị nhiều hơn bất cứ tác giả nào khác. Ông còn đề cập đến cả quản trị thị trường vì điều đó hữu ích cho việc sưu tầm tin tức và kiểm soát các hoạt động kinh tế. Ông viết:

Nếu người ta bỏ quên quản trị thị trường, thì không thể thắng trận dù cho họ có một lực lượng khéo tổ chức.

Tôn Tử tập trung chính yếu vào các đề mục quân sự nhưng ông cũng không bỏ qua sự quan trọng của các chiến lược chính trị. Quan niệm quốc phòng và đại chiến lược thảo luận trong các binh thư cổ có thể giản lược như sau:

A. Thái độ đối với Chiến Tranh

Rất ít chiến lược gia Trung Hoa thời cổ chịu đưa ra một định nghĩa về thế nào gọi là chiến tranh trong sách của họ nhưng họ đều quan tâm việc làm sáng tỏ nguyên nhân và mục đích của chiến tranh. Khi thảo luận về các tiết mục này hầu hết đưa ra một thái độ rõ ràng về chiến tranh.

Dựa vào các động lực dẫn đến chiến tranh, các chiến lược gia Trung Hoa thời cổ chia ra làm hai loại: chiến tranh công chính và chiến tranh không công chính. Chiến tranh công chính có thể chấp nhận, còn không công chính nên tránh.

Là một nhà cách mạng, Thái Công tin rằng chiến tranh cách mạng chỉ có thể khởi sự khi Trời đã chứng tỏ sự bất bình với một bạo chúa bằng hình thức thiên tai. Nói khác đi, một cuộc dấy loạn chỉ có thể được hợp thức khi chính quyền hết sức áp bức. Ngô Tử liệt kê năm động lực cho phép nhà cầm quyền gây chiến: danh tiếng, lợi điểm, oán thù, rối loạn và đói kém. Dựa trên những động lực đó, ông tiến xa hơn để xếp loại chiến tranh vào công chính, hung hăng, cuồng nộ, nghịch ngợm và nổi loạn. Chiến tranh để trấn áp bạo quyền hay dẹp loạn là công chính. Các loại khác là không công chính.

Cũng như Ngô Tử, Úy Liễu Tử được coi như Pháp gia nhưng những quan điểm về chiến tranh của ông lại rút ra từ các nguyên tắc của Khổng giáo.

Chiến tranh không được dùng để tấn công một quốc gia hiền lương và giết người vô tội ... Chỉ nên dùng để trừng trị những kẻ gây ra tội ác như bạo loạn, tàn độc, chuyên chế và ngăn chặn các hành vi bất chính. Như thế, Úy Liễu Tử cũng chống lại chiến tranh không công chính.

Về phần Tôn Tử, lý do duy nhất của chiến tranh là Lợi. Ngoài lợi ra, không còn gì khác. Tuy nhiên, thái độ cẩn trọng của ông đối với chiến tranh khiến cho người đọc cảm thấy có sự phân biệt giữa công chính và không công chính trong tư tưởng của ông. Chẳng hạn như ông viết là "một quốc gia không nên gây chiến chỉ vì giận dữ, một tướng lãnh không chiến đấu chỉ vì hận thù"⁴. Vì thế, "nếu không nguy thì đừng đánh" (phi nguy bất chiến). Điều đó cho thấy ông chỉ ủng hộ chiến tranh tự vệ và không xâm lăng mà thôi.

⁴ Nguyên văn: Chủ bất khả dĩ nộ nhi hưng sư, tướng bất khả dĩ uẩn nhi chí chiến, Tôn Tử Binh Pháp, Hỏa Công Thiên

Từ quan niệm về chiến tranh và các mục tiêu của nó, rõ ràng là đa số các chiến lược gia Trung Hoa thời xưa nhìn thấy chiến tranh là phương tiện để gìn giữ công chính và ngăn ngừa không công chính. Phát biểu tiêu biểu có thể rút ra từ Tư Mã Pháp⁵, vốn được các học giả Trung Hoa coi như mô thức cho các luật lệ quân sự thời cổ chỉ đạo quốc phòng thời Tiên Chu:

Thời xưa, vua cai trị quốc gia bằng điều nhân trên nguyên tắc của điều nghĩa. Đó là hình thức thông thường. Tuy nhiên, nếu nhân trị không đạt được kết quả thì phải dùng lực. Có thể giết kẻ gây rối loạn và mất an ninh cho quần chúng, cũng có thể tấn công một quốc gia để cứu hay giải phóng nhân dân khỏi ách bạo ngược. Dùng chiến tranh để ngăn ngừa chiến tranh là điều có thể chấp nhận được.⁶

Có ba loại chiến tranh công chính tại Trung Hoa thời cổ:

Loại đầu tiên là chính quyền trung ương khởi binh để trừng trị các chư hầu chống lại triều đình. Đây là hình thức được chấp nhận là công chính trong hệ thống chính trị cổ truyền.

Loại thứ hai là chiến tranh khởi loạn hay chiến tranh cách mạng, chỉ được coi là công chính khi nhà vua vượt quá giới hạn của người cầm quyền và gây nhiều khổ sở cho dân. Loại chiến tranh này cũng được triết học cổ Trung Hoa ủng hộ. Các Nho gia thường nhắc lại lời Mạnh Tử công chính hóa một cuộc cách mạng và xử tử một vị vua bạo ngược:

⁵ Tư Mã Pháp không phải là tên người. Điền Nhượng Tư nước Tề thời Xuân Thu được phong chức Tư Mã nên thường gọi là Tư Mã Nhượng Tư (lại đừng lẫn với Tư Mã Tương Như là một thư sinh có tiếng đàn tuyệt diệu). Tư Mã là chức quan võ trước đời Chu, đời Hán đổi thành Đại Tư Mã là một trong Tam công, trông coi binh mã của một quốc gia (sau đổi thành Binh Bộ Thượng Thư) (Theo Trung Quốc Lịch Sử Từ Điển, Nghiêm Thái Bạch, Hi Đại Thư Cục 1981, Đài Bắc trang 56). Tư Mã Pháp nghĩa là Tư Mã Binh Pháp, tác phẩm do Điền Nhượng Tư viết (cũng như Tôn Tử Binh Pháp, Gia Cát Lượng binh pháp ...). Đời sau hay lẫn lộn tưởng Tư Mã Pháp là tên người họ Tư Mã (như Tư Mã Ý). Trong tác phẩm này cũng không phân định rõ rệt, đôi chỗ tưởng như tên người. Để tôn trọng nguyên văn, chúng tôi chỉ dịch theo tác giả

⁶ Nguyên văn: Cổ giả, dĩ nhân vi bản, dĩ nghĩa trị chi chi vi chính. Chính bất hoạch ý tắc quyền quyền xuất ư chiến, bất xuất ư trung nhân. Thị cố, sát nhân an nhân, sát chi khả dã. Công kỳ quốc, ái kỳ dân, công chi khả dã. Dĩ chiến chỉ chiến, tuy chiến khả dã. (Tư Mã Pháp quyền thượng, Nhân Bản thiên)

Kẻ nào làm mất đức nhân là kẻ trộm cướp, kẻ nào làm mất đức nghĩa là kẻ tàn bạo. Tặc và tàn chỉ là dung phụ. Tôi nghe nói có giết một kẻ tên là Trụ, nhưng tôi không nghe nói giết vua.⁷

Loại thứ ba là chiến tranh khởi đầu bởi một chư hầu chống lại một chư hầu khác. Hiện tượng đặc biệt này xảy ra khi thiên tử vô cùng suy yếu. Dù như vậy, vẫn bị ảnh hưởng bởi quan niệm chính trị cổ nên các chiến lược gia quân sự cũng gắn liền với nguyên tắc công chính. Tuy nhiên các chiến lược gia thời đại này cũng thận trọng vì ảnh hưởng quan niệm chung của các triết gia là chống chiến tranh. Tôn Tử, như đã đề cập ở trên, cảnh cáo các nhà cai trị là "không nguy hiểm thì đừng gây chiến". Ngô Tử nói với Văn Hầu là "có vua Hữu Hồ (Yu Hu) chỉ thị vào sức mạnh quân sự nên bị mất ngôi"⁸. Ông cũng nói là "thắng trận thì dễ nhưng giữ được cái kết quả của sự thắng trận mới là khó"⁹. Cho nên bậc quân vương không nên gây chiến chỉ để vui chơi. Úy Liễu Tử cũng có một triết lý tương tự là chiến tranh không thể chi phí bằng tiền của nhân dân chỉ để cho vua thỏa mãn cái tư tâm của mình. Ông chỉ đồng ý với chiến tranh tự vệ mà thôi.

Khi cần phải sử dụng võ lực, chúng ta không nên khởi chiến mà chỉ phản công khi kẻ địch đã động binh. Thế nhưng dù không gây chiến cũng phải chuẩn bị sẵn sàng để chiến đấu tự vệ.

Tư tưởng biện minh cho thái độ này cũng tìm thấy trong Tư Mã Pháp như sau:

Nước lớn mà ham chiến tranh cũng sẽ mất, thiên hạ tuy yên mà không chuẩn bị chiến tranh ắt cũng sẽ nguy¹⁰

⁷ Nguyên văn: Tặc nhân giả vị chi tặc, tặc nghĩa giả vị chi tàn. Tàn tặc chi nhân, vị chi nhất phu. Văn tru nhất phu Trụ hĩ, vị văn thí quân dã. (Mạnh Tử, Lương Huệ Vương hạ)

⁸ Nguyên văn: Hữu Hồ thị chi quân, thị chúng hiếu dũng, dĩ táng kỳ xā tặc, (Ngô Tử binh pháp, Đồ quốc thiên)

⁹ Nguyên văn: Nhiên chiến thắng dị, thủ thắng nan

¹⁰ Nguyên văn: Cố quốc tuy đại, hiếu chiến tất vong. Thiên hạ tuy an, vong chiến tất nguy. (Tư Mã Pháp, Nhân Bản thiên)

Triết học đó đã ảnh hưởng rất lớn đến thái độ của người Trung Hoa về chiến tranh. Thái độ đó còn tồn tại đến ngày nay.

B. Loại trừ các nguyên nhân gây ra Chiến tranh

Theo quan điểm cũ về thiên hạ, Trung Hoa không giống một quốc gia thời nay. Vua nước Tàu được gọi là Thiên Tử, được coi là biểu tượng của đạo đức và hòa hài. Ngày nào nhà vua còn thi hành nhân chính, đối xử thân ái và gương mẫu cho mọi người, Trời còn thương và giúp cho thanh bình trù phú, ngày đó còn có Mệnh Trời. Mọi người sống trong thiên hạ đều là thần dân và phải có nhiệm vụ trung thành với nhà vua. Qui tắc đó không phải chỉ áp dụng cho người Trung Hoa mà trên một mức độ nào đó áp dụng cho cả những dân tộc man di ở biên giới.

Để làm tròn nhiệm vụ gìn giữ hòa bình và trật tự, nhà vua có trách nhiệm loại trừ tất cả những gì đang hoặc có thể gây ra bạo loạn làm gián đoạn thanh bình của vương quốc. Sự rối loạn tồi tệ nhất chính là chiến tranh. Chiến lược quốc gia dùng trong trấn áp bạo loạn và ngăn ngừa chiến tranh là phú và cường. Giàu có nhờ quản trị kinh tế quốc gia, mạnh mẽ nhờ chuẩn bị quân sự.

Như Thái Công đã đề cập trong Lục Thao, nếu quốc gia nghèo (hay chưa đủ giàu có), thì không có cách gì có thể thi hành đức Nhân. Cho nên, nhà vua phải tìm cách làm cho nước giàu. Thực tế là có giàu mới mạnh được. Theo Thái Công, bậc quân vương phải quản trị cho khéo léo 3 kho lẫm: nông nghiệp, kỹ nghệ và thương mại. Khi nhân dân được phép làm ăn riêng, quốc gia sẽ đủ ăn, đủ dùng và nhà vua sẽ được yên ổn.

Tư Mã Pháp khuyên nhà vua nên cai trị hợp với đạo trời và phát triển kinh tế. Có như thế, các chư hầu mới có thể tuân phục và được các lân bang liên minh. Được vậy thì ngục thất trống rỗng và chiến tranh sẽ không xảy ra.

Tôn Tử và Ngô Tử, trên cương vị một chiến lược gia, không để ý nhiều đến các chính sách xã hội - chính trị trong các vấn đề họ đưa

ra ngoài trừ nhận định rằng những vấn đề đó có thể ảnh hưởng đến tiềm năng chiến tranh. Chẳng hạn như Tôn Tử cho rằng người lãnh đạo phải vun trồng Tu Đạo (Xiu Dao) và duy trì một tổ chức hay hệ thống thích hợp (Bảo Pháp) ngõ hầu đưa tới những chính sách thắng lợi.¹¹

Nếu được như thế, dân chúng sẽ hoàn toàn ủng hộ nhà cầm quyền và sẽ theo tới cùng không nề nguy hiểm.¹²

Ngô Tử tin rằng nếu bậc quân vương chuẩn bị chiến tranh với một nước khác, trước hết ông phải dạy cho dân và thể hiện tình lân tuất đối với họ. Nếu người dân biết rằng nhà vua yêu thương và xót xa khi họ chết, họ sẽ sát cánh với nhà vua đối phó với các vấn đề khó khăn và cảm thấy tiến lên chết cho quốc gia là một điều vinh hạnh, xấu hổ khi thụt lùi để bảo tồn mạng sống.¹³

Tôn Tử và Ngô Tử thực sự quan tâm chỉ là làm sao thắng trận. Hòa hài và trật tự là những điều họ đề cập nhưng không nói tới phát triển kinh tế.

Úy Liễu Tử nhấn mạnh vào chiến thắng bằng Đạo hay ảnh hưởng luân lý. Thắng bằng Đạo là thắng lợi của nhà cầm quyền, là thắng lợi mà không cần phải dương oai diệu võ. Làm sao có thể đạt tới thắng lợi đó ?

Bậc quân vương phải quan tâm đến tất cả mọi người dân sống trong nước và không để một tấc đất bỏ hoang. Khi đất được cày cấy, nước sẽ giàu và dân sẽ no đủ. Do đó, dân tăng lên và được cai trị một cách thích đáng, nước sẽ yên. Khi nước giàu có và yên ổn, thì nhà cầm quyền đủ tư cách để cai trị Thiên Hạ. Những chiến lược gia thời cổ dường như tin rằng nếu nhà vua cai trị quốc gia bằng đạo đức

¹¹ Nguyên văn: Thiện dụng binh giả, tu đạo nhi bảo pháp, cố năng vi thắng bại chi chính. (Tôn Tử Binh Pháp, Quân Hình Thiên)

¹² Nguyên văn: Kim dân dữ thượng đồng ý, khả dữ chi tử, khả dữ chi sinh, nhi bất úy nguy dã. (Tôn Tử Binh Pháp, Thủy Kế Thiên)

¹³ Nguyên văn: Tích chi đồ quốc gia giả, tất tiên giáo bách tính nhi thân vạn dân. Dân tri quân chi ái kỳ mệnh, tích kỳ tử, nhược thử chi chí, nhi dữ chi lâm nan, tặc sĩ dĩ tiến tử vi vinh, thoái sinh vi nhục hĩ. (Ngô Tử Binh Pháp, Đồ Quốc thiên)

và nhân chính thì không những có thể giữ cho đất nước thanh bình và trật tự mà còn có thể khiến cho các nước khác thần phục Trung Hoa. Nếu được như thế thì rối loạn hay chiến tranh sẽ chấm dứt. Tuy nhiên, không phải vì thế mà loại hẳn việc quân sự. Khổng Tử nhấn mạnh đến cả lương thực lẫn khí giới đối với một chính quyền. Ông còn nhắc nhở là nếu nhà vua không dạy cho thần tử kỹ thuật binh bị thì cũng là bỏ rơi họ.¹⁴ Úy Liễu Tử cho rằng chuẩn bị chiến tranh cũng quan trọng chẳng khác gì chiến đấu.

Đối với các chiến lược gia cổ thời, khi nào đất nước còn phú cường, thì còn khiến cho vui lòng kẻ gần và lôi cuốn kẻ xa. Triết học đó sau này được các Pháp gia chấp nhận và nhấn mạnh vào sự quan trọng của sức mạnh trong tương quan giữa nước này với nước khác. Họ tin rằng khi nước mạnh thì các nước chung quanh sẽ thần phục, còn khi nước yếu thì lại phải triều cống nước khác. Do đó, các Pháp gia nhấn mạnh vào canh nông và chiến đấu là những chính sách chủ yếu trong nhiều nước thời Chiến quốc.

C. Việc liên minh

Thay vì dựa hoàn toàn vào việc loại trừ chiến tranh, các chiến lược gia thời xưa thường liên minh với các quốc gia khác để ngăn ngừa hay thủ thắng trong chiến trận.

Như đề cập ở trên, vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc, các vương hầu đã phát triển tương quan giữa các quốc gia tương tự như liên hệ ngoại giao ngày nay để ngăn ngừa chiến tranh. Về sau, khi chiến tranh không thể tránh được, việc liên minh trở nên một phương thức quan trọng để làm mạnh cho ta và làm suy yếu địch. Tôn Tử có nói rằng:

Phá hủy sự liên minh của địch là phương thức hạng nhì trong việc thủ thắng, chỉ đứng sau việc tấn công vào chiến lược của địch. Đó là hình thức thắng mà không cần chiến tranh.

¹⁴ Dĩ bất giáo dân chiến, thị vị khí hĩ. (Luận Ngữ, Tử Lộ).

Khi Ngô Tử bàn về các yếu tố có thể ảnh hưởng đến quyết định của bậc quân vương có nên có chiến tranh hay không, ông nói rằng ” khi lân bang không đến giúp kẻ địch, thì có thể đánh mà không cần phải bói toán gì cả. Trái lại khi khắp nơi đổ về giúp đỡ và nước địch lại được các nước lớn giúp đỡ (tứ lân chi trợ, đại quốc chi viện), thì tốt hơn hết là nên tránh đi ”. Úy Liễu Tử lại không tin vào liên minh. Theo ông, một nước phải triều cống, nhượng đất để được đồng minh giúp đỡ thì đồng minh đó chưa thể tin được vì không binh lính nào đánh cho nước khác mà lại cũng hăng hái như đánh cho nước mình.

Quan niệm tìm kiếm đồng minh trong thời Xuân Thu, Chiến Quốc là một hiện tượng độc nhất vô nhị giữa các chư hầu. Theo truyền thống Trung Hoa, nếu vì lý do nào đó mà vua đem quân đánh chư hầu hay hung địch, thì nhà vua chỉ cần hặc tội người đó và truyền lệnh cho các nước khác đi theo chinh phạt. Các chư hầu bắt buộc phải theo mệnh vua mà đem quân đến giúp. Cho nên không có liên minh giữa Thiên Tử và chư hầu.

Hình ảnh rõ rệt nhất về việc liên minh để giành quyền lực giữa các quốc gia sau thời Xuân Thu, Chiến Quốc là thời Tam Quốc. Vận dụng ngoại giao giữa các nước Ngụy, Thục, Ngô là những thí dụ rõ ràng trong việc tìm liên minh và phá liên minh của địch. Cùng với việc sử dụng gián điệp, việc liên minh và phá liên minh đã trở thành những phần vụ quan trọng trong chiến lược của người Trung Hoa. Dưới lý thuyết chiến tranh nhân dân, hoạt động bí mật do các tiểu tổ Cộng Sản đã có tác dụng hết sức lớn lao trong việc chiến thắng giữa Quốc Dân Đảng của Đảng Cộng Sản vào năm 1949. Mặt Trận Liên Minh là một chiến lược tuyệt diệu của Mao dùng để liên minh với nhiều giai tầng trong xã hội để chống lại kẻ thù. Tất cả những chiến lược đó đều tìm thấy trong các binh thư cổ.

D. Chuẩn bị chiến tranh

Trước khi quyết định đi tới chiến tranh, cần phải chuẩn bị một số giai đoạn thì mới có thể bảo đảm chiến thắng.

a/ Lượng giá lực lượng địch và đặt kế hoạch cho chiến tranh

Như Tôn Tử đã nói, chiến tranh là việc quan trọng sinh tử cho một quốc gia, con đường sống còn hay bị tiêu diệt. Cho nên, trước khi khởi chiến, nhà vua và cận thần phải đánh giá chính xác lực lượng địch trên cả hai phương diện chiến lược và chiến thuật để xem có thể thắng hay không và thắng như thế nào.

Trên phương diện chiến lược, đấng quân vương và triều đình phải quan tâm đến các vấn đề sau: tình trạng kinh tế và xã hội - chính trị của địch, các tương quan quốc tế, tài nguyên chiến tranh, khả năng chiến đấu và đạo đức của quân địch, tổ chức cơ ngũ của họ và khu vực chiến trường.

Các vấn đề chiến thuật quan trọng nhất là việc sử dụng lực lượng quân sự trong những điều kiện có sẵn để đạt một số mục tiêu chiến lược. Cơ ngũ của địch, tinh thần binh sĩ, tiếp liệu và địa hình, thời tiết và các yếu tố ngẫu nhiên khác trên chiến địa cũng có thể hưởng đến hành quân cần phải lượng giá một cách chính xác vào thời gian các tướng lãnh tại mặt trận.

Trong việc lượng giá sức mạnh của địch, một số chiến lược gia thời xưa như Tôn Tử và Thái Công chẳng hạn thảo luận cả chiến lược lẫn chiến thuật một cách chi tiết, những người khác chỉ đề cập sơ qua mà không phân biệt đâu là chiến lược đâu là chiến thuật.

Trong phần này chúng tôi sẽ chủ yếu bàn về các vấn đề chiến lược còn các vấn đề chiến thuật sẽ để ở phần sau.

Theo Tôn Tử, chiến tranh bị chi phối mạnh mẽ bởi 5 yếu tố quan trọng. Đó là tinh thần binh sĩ, thời tiết, địa hình, cấp chỉ huy, quân luật và tổ chức. Khi quyết định những điều kiện quân sự, các yếu tố đó được dùng làm căn bản để so sánh với 7 trạng thái: vua nào có chính nghĩa, tướng nào có tài hơn, quân đội nào có lợi thế về thiên nhiên và địa hình, bên nào quân luật và lệnh lạc được thi hành

nghiêm chỉnh hơn, quân đội nào mạnh hơn, bên nào có các cấp chỉ huy huấn luyện kỹ hơn, bên nào thưởng phạt công minh hơn.¹⁵

Nếu tính toán kỹ lưỡng dựa trên những yếu tố và trạng thái nêu trên, người ta có thể tiên đoán bên nào thắng, bên nào bại.

Để lượng giá địch quân, Ngô Tử đưa ra một số nhận xét về tình trạng quân sự của các quốc gia căn cứ vào tính chất và tình trạng chính trị của mỗi nước. Ông không phân biệt các vấn đề chiến lược với các vấn đề chiến thuật. Chẳng hạn như khi lượng giá về tình trạng địch quân, ông đưa ra 8 điều kiện có thể đánh mà không cần bói toán. Tất cả những trường hợp đó đều có những lợi điểm đặc biệt trên chiến trường khiến có thể tấn công ngay. Thí dụ "vào lúc có gió lớn hay đại hàn địch quân dậy sớm để phá băng nên mỗi một, thứ hai là nóng nực giữa mùa hạ dậy trễ ...thứ tám là khi địch quân chưa hàng ngũ chỉnh tề, chưa đóng trại hay khi tiến vào vùng đồi núi ..."¹⁶

Tất cả những dữ kiện trên thuộc về chiến thuật. Tuy nhiên, ông cũng liệt kê 6 tình huống hoàn toàn nên tránh tấn công địch vì là những vấn đề chiến lược. Chẳng hạn như:

Thứ nhất là địch quốc rộng, dân đông và giàu có. Thứ hai, khi người trên yêu thương kẻ dưới và lòng nhân của họ lan tràn khắp nơi. Thứ ba là thưởng phạt phân minh và cai trị thích đáng. Thứ tư là người có tài được trọng dụng, người khôn ngoan được giao trách nhiệm và người có khả năng được giao công việc. Thứ năm là quân đội lớn và trang bị đầy đủ. Thứ sáu là được sự giúp đỡ khắp mọi nơi

¹⁵ Nguyên văn: Sở vị ngũ cá cơ bản vấn đề bất ngoại hồ đạo, thiên, địa, tướng dữ pháp. Cổ kinh chi dĩ ngũ sự, hiệu chi dĩ kế, nhi sách kỳ tình: nhất viết đạo, nhị viết thiên, tam viết địa, tứ viết tướng, ngũ viết pháp. Viết quân thực hữu đạo, tướng thực hữu năng, thiên địa thực đắc, pháp lệnh thực hành, binh chúng thực cường, sĩ tốt thực luyện, thưởng phạt thực minh, ngô dĩ thử tri thắng phụ hĩ. (Tôn Tử Binh Pháp, Thủy Kế Thiên)

¹⁶ Nguyên văn: Phạm liệu địch, hữu bất bốc nhi dữ chi chiến giả bát: nhất viết tạt phong đại hàn, tảo hưng ngụ quyển, phẩu băng tế thủy, bất đạn gian nan. Nhị viết thịnh hạ viêm nhiệt, yển hưng vô giá, hành khu cơ khát vụ ư thủ viễn ... Bát viết trận nhi vị định, xá hi vị tất, hành phản thiệp hiểm, bán ổn bán xuất, chư như thử giả kích chi vật nghi. (Ngô Tử Binh Pháp, Liệu Địch Thiên)

và những nước mạnh phò tá. Nói chung là nếu không bằng địch quân trong những điều kiện này thì nên tránh.¹⁷

Sáu trường hợp này cũng tương tự với 5 yếu tố căn bản mà Tôn Tử đã nói tới, là những điều triều đình cần phải lượng định chính xác trước khi ra quân. Không một yếu tố nào trong những yếu tố này lại có thể quyết định tại mặt trận sau khi đã khởi binh.

Để chuẩn bị cho chiến tranh, Úy Liễu Tử nhấn mạnh sự cải thiện tình trạng kinh tế - xã hội và chính trị quốc gia. Việc củng cố các trung tâm kinh tế và dân cư, việc khẩn hoang, lôi cuốn dân ngụ cư để quốc gia thêm trù phú an ninh đều là những chiến lược quan trọng. Để theo đuổi những chiến lược này, theo Úy Liễu Tử, bậc quân vương phải bành trướng thẩm quyền ra khắp thiên hạ mà không phải dùng đến việc binh.

Ông không bàn cãi về việc làm cách nào để lượng giá địch và làm sao để quyết định là có gây chiến hay không ngoại trừ việc nói là "khi nhìn thấy có thể thắng, thì hãy đánh, nếu không thì tránh đi". Tuy nhiên, ông đề nghị một kế hoạch năm giai đoạn cho chiến tranh: trước hết, quyết định những chiến lược căn bản trong buổi họp với bách quan, cử nguyên soái, đặt kế hoạch tấn công và chiến lược tự vệ, và sau cùng là khởi chiến. Ông nhấn mạnh vào chiến lược phá hủy tinh thần quân địch để ép chúng phải rút lui mà không cần đánh.

Thái Công thảo luận về những vấn đề chiến lược trong gần một nửa đầu của cuốn Lục Thao. Ông phân tách các chiến lược chính trị kể cả các chính sách quốc nội, các chính sách cá nhân, việc sử dụng thủ đoạn, và các nguyên tắc hành quân. Một số những vấn đề này liên quan tới việc lượng định sức mạnh của địch.

Thái Công rất quan tâm về việc củng cố sức mạnh của lực lượng cách mạng và làm suy yếu sức mạnh của địch trước khi khởi sự. Ông

¹⁷ Nguyên văn: Nhất viết thổ địa quảng đại, nhân dân phú chúng. Nhị viết thượng ái kỳ hạ, huệ thi lưu bố. Tam viết thượng tín hình sát, phát tất đắc thời. Tứ viết trần công cư liệt, nhiệm hiền sử năng. Ngũ viết sư đồ chi chúng, binh giáp chi tinh. Lục viết tứ lân chi trợ, đại quốc chi viện. Phàm thủ bất như địch quân, tị chi vật nghi. (Ngô Tử Bình Pháp, Liễu Dịch Thiên)

khuyên Văn Vương vun trồng đức độ, kính trọng hiền tài và thi hành nhân chính trong nước để được đại chúng ủng hộ. Đồng thời, ông đề ra nhiều thủ đoạn kể cả hối lộ, mỹ nhân kế, gián điệp hầu tạo ra tham nhũng, mất trật tự, và loạn lạc trên đất địch để phá vỡ sự đoàn kết chính trị và quân sự. Ông cẩn thận quan sát những thay đổi trên các chính sách của địch, đạo đức và tính hạnh của từng cá nhân, những cận thần tâm phúc và những người thân với vua hay bị vua xa lánh. Khi thấy kẻ địch bị thiên tai và nhân họa nặng nề, ông mới khuyên Văn Vương nổi dậy. Ông lượng định tình trạng của nhà Thương và nói với Văn Vương là "thiên tử nhà Thương đã bị bao vây bởi cận thần phản phúc và xấu xa và đắm mình trong sắc dục với tì thiếp, không làm tròn nhiệm vụ. Hơn nữa, ruộng nhiều cỏ hơn là lúa, triều đình nhiều kẻ xấu và gian hơn là trung lương hiền đức, quan lại áp bức nhân dân không còn đếm xỉa gì đến luật lệ hay lương tâm. Đây là lúc nước đang sắp đổ". Sau khi phân tích như thế, Thái Công khuyên Văn Vương nếu giương cao ngọn cờ cách mạng và khởi binh thì quân đi đến đâu, mọi người sẽ công nhận quyền lãnh đạo và theo ông tới đó.

Trên phương diện chiến thuật, Thái Công cũng giống Tôn Tử và Ngô Tử. Ông nhấn mạnh các nguyên tắc quan sát trực tiếp tại mặt trận và áp dụng mưu mẹo tùy theo địa hình, thời tiết và các điều kiện khác. Những vấn đề đó sẽ được bàn trong những phần sau.

Cũng như Úy Liễu Tử, khi bàn về chuẩn bị chiến tranh, Tư Mã Pháp chú trọng đặc biệt đến việc thiết lập pháp chế, cất đặt đúng người, vận động để cho nhân dân ủng hộ chiến tranh và tích trữ chiến cụ ... Sau đó, nhà vua còn phải xét 5 yếu tố: thiên nhiên, vật liệu, tinh thần, địa hình và khí giới. Dùng những yếu tố đó để lượng định, nhà vua có thể tiên tri được sẽ thắng hay không. Đó là những vấn đề chiến lược cần quan tâm nghiên cứu trước khi ra quân. Khi bàn về những nguyên tắc của hoạt động chiến thuật tại chiến trường, Tư Mã Pháp thực sự chỉ liệt kê trong hoàn cảnh nào phải làm gì. Thí dụ như "không đoàn quân nào bị bắt phải chiến đấu liên tục trên ba ngày, không binh đội nào phải chiến đấu liên tục trên

nửa ngày và không binh sĩ nào bị bắt phải chiến đấu liên tục trên 2 giờ”

b/ Việc tuyển tướng và tính độc lập của đạo làm tướng

Việc đề cử các tướng và tính độc lập của tư cách chỉ huy luôn luôn là những vấn đề quan yếu trong nghệ thuật chiến tranh thời xưa. Tài năng và đức độ của một vị tướng được coi là những yếu tố quan trọng có thể ảnh hưởng đến kết quả trận chiến. Khi một vị tướng được chỉ định thống lĩnh quân đội ra trận, việc đăng đàn bái tướng là một đại sự. Dích thân nhà vua phải chủ tọa và hành lễ trao toàn quyền để vị tướng có thể hành xử một cách độc lập tại mặt trận mà nhà vua không được can thiệp đến.

Theo Tôn Tử, một tướng giỏi phải có những đức như khôn ngoan, thành thực, nhân hậu, can đảm và nghiêm minh. Nếu có đủ những đức tính đó và được trao cho binh quyền thì nhà vua phải tin tưởng vào sự quyết định của vị tướng đó mà không tự mình chỉ huy quân lính. Một đấng quân vương có thể đem lại đại họa nếu không biết gì về việc binh mà lại muốn nắm quyền ban hành lệnh lạc. Cho nên, Tôn Tử đề nghị là có những trường hợp lệnh của vua không phải thi hành.¹⁸

Ngô Tử tin rằng vị tướng phải có cả khả năng cai trị lẫn khả năng điều quân. Ông ta phải chú tâm vào 5 vấn đề: hành chánh, chuẩn bị, quyết tâm, cẩn trọng và kinh tế. Dĩ nhiên ông ta phải hết sức đức độ, nhân từ và can đảm để lãnh đạo. Nếu đất nước có những vị tướng như thế ắt sẽ mạnh. Nếu mất các người tài như thế sẽ bị tổn hại lớn.¹⁹

¹⁸ Nguyên văn: Bất tri tam quân chi sự, nhi đồng tam quân chi chính, tắc quân sĩ hoặc hĩ. Bất tri tam quân chi quyền, nhi đồng tam quân chi nhiệm, tắc quân sĩ nghi hĩ. Tam quân ký hoặc thả nghi, tắc chư hầu chi nạn chí hĩ. Thị vị loạn quân dẫn thắng. (Tôn Tử, Mưu Công thiên)

¹⁹ Nguyên văn: Cố tướng chi sở thận giả ngũ: nhất viết lý, nhị viết bị, tam viết quả, tứ viết hình, ngũ viết ước. Nhiên kỳ uy đức nhân dũng, tất thị dĩ tất hạ an chúng, bố địch quyết nghị, thi lệnh nhi hạ bất phạm, sở tại khẩu bất cảm địch. Đắc chi quốc cường, khứ chi quốc vong, thị vị lương tướng. (Ngô Tử, Luận Tướng Thiên)

Úy Liễu Tử ví tướng như trái tim mà phụ tá như chân tay. Khi vị tướng chỉ huy tại trận tiền, ông phải hoàn toàn chỉ huy dựa trên phán đoán của mình chứ không dựa vào thiên văn hay địa lý (theo nghĩa huyền bí) . Ông ta cũng phải bỏ qua lệnh của nhà vua và không màng đến sự hiện diện của kẻ thù. Ông ta phải can đảm như hổ lang và hành động nhậm lệ như sấm chớp. Ông ta cũng không dễ dàng nổi nóng hay bị mua chuộc. Những đức tính đó là căn bản để cho vị tướng có thể được ban cho toàn quyền chỉ huy. Úy Liễu Tử nhấn mạnh đặc biệt vào kỷ luật nghiêm minh. Không dung tha bất cứ ai phạm pháp. Tử hình là hình phạt duy nhất. Ông viết:

Ta nghe nói tướng giỏi thời xưa kẻ nào dám giết đi một nửa quân của mình nếu họ phạm tội là kẻ bình được thiên hạ, dám giết đi một phần ba thì làm nên nghiệp bá, kẻ nào dám giết một phần mười thì chắc chắn rằng lệnh ban ra quân sĩ phải theo.

Kỷ luật nghiêm khắc có một hậu quả to lớn đối với quân đội của Trung Hoa. Tuy nhiên không phải Úy Liễu Tử chỉ đặt nặng vấn đề giết chóc. Ông cũng đề cao việc tướng lãnh phải có đức độ để làm gương cho sĩ tốt. Chẳng hạn như khi gặp khó khăn, kẻ làm tướng phải đích thân tham gia, chia xẻ khó khăn với binh lính. Ông viết:

Tướng không được che dù khi trời nắng gắt, cũng không được mặc áo ngoài khi trời lạnh giá. Khi có đường khó trước mặt, tướng phải xuống xe, xuống ngựa đi bộ với lính. Không đủ nước cho binh sĩ thì không được uống, không đủ thực phẩm cho binh sĩ thì không được ăn, không được dừng lâu khi lính chưa hạ trại. Dù khó khăn tới mức nào thì tướng lãnh cũng phải chia xẻ với binh lính. Nếu tướng lãnh còn giữ được như thế thì binh đội còn tinh thần.

Khi đề cập đến việc độc lập trong chỉ huy, Thái Công đã viết thêm:

Vấn đề quân sự không lệ thuộc vào lệnh của nhà vua. Mọi lệnh lạc đều do tướng.

Để bảo đảm rằng tướng có quyền chỉ huy độc lập, Thái Công nhấn mạnh vào nghi thức phong tướng. Nhà vua phải công khai tuyên bố một cách nghiêm trang giao toàn quyền cho vị nguyên nhung.

c/ Các vấn đề hậu phương và tiếp liệu từ quân địch

Bất cứ viên chức chỉ huy quân sự nào cũng biết rằng tiếp liệu thiếu thốn sẽ làm suy giảm nghiêm trọng sức chiến đấu. Nếu thiếu thốn quá, sự tồn vong của đoàn quân cũng bị đe dọa. Các chiến lược gia cổ thời của Trung Hoa rất quan tâm tới vấn đề này. Tôn Tử bàn rất chi tiết. Khi tính toán sự tổn phí của một đạo quân 10 vạn người, ông viết:

Trong việc điều hành chiến đấu, nếu trên chiến trường có một ngàn cỗ xe, một ngàn cỗ xe bọc da trâu, mười vạn giáp binh, mang lương đủ cho một ngàn dặm, cả chi phí tại mặt trận lẫn ở nhà, kể cả đãi khách, từ món nhỏ như keo sơn, tiền tiêu cho các cỗ xe sẽ lên tới 1000 lạng bạc một ngày. Đó là tiền nuôi một đoàn quân mười vạn người.²⁰

Theo Tôn Tử, khi một đoàn quân giáp chiến, khí giới bị cùn nhụt, tổn thất, việc chiến phí quân dụng gia tăng càng gấp bội. Nếu chiến dịch kéo dài, quốc khố sẽ hao kiệt và hậu quả sẽ không biết ra sao. Để giải quyết vấn đề đó, ngoài việc khuyên nên thần tốc trong chiến tranh, ông còn đề nghị rằng "kẻ giỏi dùng binh không phải đi chinh phạt đến hai lần, lương không vận tải quá ba bận"²¹ Thay vào đó, ông đưa ra ý kiến lấy lương thực của địch. Tôn Tử nói là "quân lính có thể đem trang bị từ nước mình nhưng phải dựa vào lương thực của phía địch. Như thế thì sẽ có dư dả thực phẩm". Nếu lấy được của địch thì "một học của địch bằng hai mươi học của ta, một lượng của địch bằng hai mươi lượng của ta"²²

²⁰ Nguyên văn: Phàm dụng binh chi pháp, tri xa thiên tứ, cách xa thiên thặng, thiên lý quỹ lương, tặc nội ngoại chi phí, tân khách chi dụng, giao tất chi tài, xa giáp chi phụng, nhật phí thiên kim, nhiên hậu thập vạn chi sư cử hĩ. (Tôn Tử binh pháp, Tác Chiến Thiên)

²¹ thiên dụng binh giả, địch bất tái tịch, lương bất tam tải

²² cố trí tướng vụ thực vu địch, thực địch nhất chung, đương ngô trấp chung, kị cán nhất thạch, đương ngô trấp thạch

Thực ra, Tôn Tử còn đề ra tư tưởng thu đoạt trang bị cũng như lấy binh lính của địch xung vào quân của mình. Khi lấy được chiến xa thì chỉ cần thay thế cờ hiệu là thành của mình. Các tù binh cũng phải đổi dải cho tử tế. Cái đó gọi là "thắng một trận thì mạnh thêm lên"²³

Dường như Ngô Tử không đồng ý với nguyên tắc này vì ông không cho phép binh lính cướp bóc các thị trấn chiếm được.

Khi quân hạ trại không được chặt cây, lấy hoa màu, giết gia súc hay đốt kho lẫm²⁴

Dù sao chăng nữa, quan điểm của Tôn Tử "lấy của địch để cung cấp cho ta" đã hoàn toàn được các chiến lược gia Trung Hoa chấp nhận.

4. CÁC NGUYÊN TẮC CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN THUẬT CHÍNH YẾU ĐỜI TIÊN TÂN

Không có từ nào tương đương với hai chữ chiến lược và chiến thuật trong các tác phẩm quân sự đời xưa. Những từ dùng trong sách vở có ý nghĩa tương tự với chiến lược và chiến thuật có lẽ là thao lược và trận. Chữ trên có thể hiểu như chiến lược, chữ dưới chỉ có thể dịch ra là đội hình hay bố trí và theo một nghĩa rộng cũng là chiến thuật. Cũng như nhiều tác giả Trung Hoa trong các lãnh vực khác, các chiến lược gia quân sự thời xưa không đưa ra một định nghĩa nào cho những khái niệm này.

Trong những tác phẩm hiện đại của Tây phương người ta không thể nào lẫn lộn giữa chiến thuật và chiến lược. Chẳng hạn như theo Karl V. Clausewitz, rõ ràng ông đặt hai vấn đề nêu trên ở hai mức độ khác nhau. Chiến lược nói về một cấp độ toàn thể và cao hơn trong khi chiến thuật có tính chất cục bộ và thấp hơn. Ông định nghĩa chiến thuật là lý thuyết dùng các lực lượng quân sự trong tác chiến, còn chiến lược là lý thuyết dùng kỹ thuật chiến đấu vào mục

²³ thắng địch nhi ích cường (Tôn Tử Binh Pháp, Tác chiến thiên)

²⁴ quân chi sở chí, vô san kỳ mộc, phát kỳ ốc, thu kỳ chúng, sát kỳ lục súc, phân kỳ tích tụ. (Ngô Tử binh pháp, Ứng Biến thiên)

tiêu của chiến tranh. Trong khi vai trò của chiến thuật là quyết định đánh một trận cách nào và hình thức gì dùng trong trận đánh, vai trò của chiến lược liên quan tới khi nào, ở đâu và dùng lực lượng gì để đánh trận. Chúng tôi sẽ tóm lược các nguyên tắc chiến lược, chiến thuật chính trong các binh thư cổ của Trung Hoa và dành việc thảo luận sâu hơn về các vấn đề này trong các chương kế tiếp.

A. Nguyên tắc Đánh Lừa

Chiến tranh là một khoa học hay một nghệ thuật ? Clausewitz có lẽ là người đầu tiên trong lịch sử hiện đại đặt câu hỏi một cách nghiêm chỉnh. Ông tin rằng nếu đứng trên lãnh vực trù liệu thì chiến tranh là một khoa học nhưng khi đánh giá thì lại nằm trong lãnh vực nghệ thuật. Các luật lệ hay nguyên tắc được đặt ra một cách khoa học còn áp dụng các nguyên lý đó vào chiến đấu thì lại là một nghệ thuật. Không có một thảo luận nào tương tự như thế trong các binh thư cổ của Trung Hoa nhưng trong các tác phẩm của Tôn Tử, Ngô Tử và nhiều người khác cho thấy là các chiến lược gia Trung Hoa đã bao gồm cả phương pháp khoa học lẫn nghệ thuật áp dụng trong chiến tranh trước Clausewitz đến 2500 năm. Chẳng hạn như Tôn Tử bắt đầu tác phẩm bằng chương trù liệu và tính toán (Thủy Kế Thiên) liệt kê 5 yếu tố căn bản có thể dùng để lượng giá tình trạng của địch quân và của chính mình. Kết quả của các lượng giá đó có thể giúp tiên tri được khả dĩ thắng hay bại. Những chi tiết tương tự cũng có thể tìm thấy trong Ngô Tử và các sách khác. Lượng giá tình hình địch được coi như ưu tiên một trước khi khởi chiến.

Việc áp dụng các nguyên tắc khoa học vào trong chiến tranh có liên quan mật thiết với tin tức chính xác. Các tác giả binh thư cổ của Trung Hoa chú trọng đặc biệt tới việc thu lượm tin tức. Tôn Tử đã viết:

Biết được địch và biết chính mình, đánh một trăm trận sẽ không bao giờ nguy hiểm. Không biết địch mà chỉ biết mình, thắng hay

thua có thể bằng nhau. Còn chẳng biết mình cũng chẳng biết gì về địch thì trận nào cũng nguy.²⁵

Tiến trình của biết chính thực là thu lượm và phân tích tin tức trong chiến tranh. Tin tức chính xác và lượng giá tình hình một cách đúng đắn về địch lẫn ta có thể cho ta cơ hội thắng trận. Thế nhưng nó không đương nhiên bảo đảm một chiến thắng. Người ta còn phải ngăn ngừa không cho địch biết tình trạng thực của mình và cho địch biết những tin tức sai lạc để đưa địch tới những quyết định khiến cho địch phải thua. Các chiến lược gia quân sự cổ thời gọi là áp dụng kỹ thuật đánh lừa. Nó đã trở thành một khuôn vàng thước ngọc trong các chiến dịch của Trung Hoa. Đây là một nghệ thuật. Trong việc áp dụng vào chiến tranh, Tôn Tử là người đầu tiên và cũng là người coi trọng nguyên tắc này nhất:

Khi có khả năng thì làm như yếu đuối, khi hoạt động thì làm như không hoạt động. Khi ở gần thì làm như còn ở xa, khi ở xa làm như đã tới gần. Dem mỗi nhử địch, làm như mất trật tự để đánh địch ... Làm cho tướng địch tức giận và rối loạn. Giả vờ như yếu kém để cho địch thêm kiêu căng. Làm cho địch căng thẳng để cho mệt. Khi địch đoàn kết thì chia rẽ họ. Tấn công lúc không phòng bị, bất ngờ khi địch không mong đợi.²⁶

Thái Công cũng trình bày ý niệm tương tự trong Âm Mưu và Dụng Gián trong sách Lục Thao. Cả hai từ ngữ này đều nói về các mẹo dùng gián điệp. Ông ta gọi mưu kế đó là Văn Phạt nghĩa là gửi các điệp viên sang nước địch hoạt động. Những người đó không phải chỉ thu lượm tin tức mà còn dùng đủ mọi cách để gây rắc rối cho nước địch. Tiền bạc và nữ nhân là những phương tiện quan trọng dùng để làm cho địch băng hoại và để mua các gián điệp đôi.

²⁵ Nguyên văn: Tri bỉ tri kỷ, bách chiến bất đãi. Bất tri bỉ nhi tri kỷ, nhất thắng nhất phụ. Bất tri bỉ, bất tri kỷ, mỗi chiến tất bại. (Tôn Tử binh pháp, Mưu Công Thiên)

²⁶ Nguyên văn: Quỷ đạo giả, cố năng nhi thị chi bất năng, dụng nhi thị chi bất dụng, cận nhi thị chi viễn, viễn nhi thị chi cận. Lợi nhi dụ chi, loạn nhi thu chi, thực nhi bị chi, cường nhi tị chi, nộ nhi nhiều chi, ti nhi kiêu chi, trật nhi lao chi, thân nhi li chi. Công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý, thử binh gia chi thắng, bất khả tiên truyền dã. (Tôn Tử binh pháp, Thủy Kế Thiên)

Đánh lừa còn là một chiến lược quan trọng khi chiến dịch đang tiến hành. Thái Công nói với Văn Vương ”cho địch thấy mình rối loạn trong khi thực ra mình chỉnh tề, cho địch thấy mình đói trong khi mình no, cho địch thấy mình chậm lụt yếu đuối trong khi thực ra mình sắc xảo, mạnh mẽ ... nếu muốn tấn công bên tây thì đánh bên đông trước”. Những điều đó cũng y hệt các lời khuyên của Tôn Tử.

Mặc dù nguyên tắc này vốn dĩ được áp dụng trong chiến tranh đã lâu nhưng vẫn thường bị chỉ trích. Các nho sĩ cho rằng việc dùng mưu kế, lừa dối vô hạn định trong chiến tranh là vô luân. Cho nên một số có khuynh hướng tán dương Ngô Tử trong việc nhấn mạnh nguyên tắc cổ truyền là đức nhân từ và đức chính trực trong chiến tranh. Tuy nhiên nếu tin rằng Ngô Tử không dùng mưu trong chiến tranh là điều ngây thơ. Câu sau đây cho ta thấy Ngô Tử nghĩ về mưu kế như thế nào:

Nếu tướng địch ngu ngốc hay tin vào kẻ khác thì ta có thể lừa y, đưa y vào bẫy. Nếu y tham lam vô sỉ thì có thể dứt lốt. Nếu y vô mưu và hay thay đổi ý, làm cho y mệt và kiệt sức. Nếu người trên giàu có, kiêu căng, người dưới nghèo khó, hận thù, thì chia rẽ họ.²⁷

Úy Liễu Tử cũng tin rằng dùng mưu là một phần cần thiết cho chiến tranh. ”Khi có lực, giả vờ như không, khi không có, làm như là có, phải luôn luôn cho địch những tin tức sai lầm để cho địch quyết định sai”

Lý thuyết dùng mưu kế như một nghệ thuật áp dụng trong chiến tranh không giới hạn ở đó. Nó còn được dùng vào nguyên tắc Kỳ và Chính, Hư và Thực.

B/ Nguyên tắc Kỳ - Chính, Hư - Thực

Nếu người ta chấp nhận nguyên tắc lừa dối như là một lý thuyết căn bản trong Tôn Tử Binh Pháp thì người ta phải tin rằng nguyên tắc Kỳ - Chính, Hư - Thực là một thực hành cần thiết cho việc dụng

²⁷ Nguyên văn: Kỳ tướng ngu nhi tín nhân, khả trá nhi dụ, tham nhi vật danh, khả hóa nhi lộ, khinh biến vô mưu, khả lao nhi khốn, thượng phú nhi kiêu, hạ bần nhi oán, khả li nhi gián (Ngô Tử Binh Pháp, Luận Tướng Thiên)

mưu. Tất cả những phân tích quan trọng của Tôn Tử đều liên quan đến Kỳ-Chính, Hư-Thực.

Kỳ là viết tắt của Kỳ Binh, có thể được diễn dịch là lực lượng bất thường, Chính là Chính Binh là đối nghịch của Kỳ Binh hay có thể dịch ra là lực lượng bình thường.

Hư là trống rỗng, Thực là chắc chắn dùng để chỉ sức mạnh của đội hình. Hư là khu vực yếu, Thực là khu vực mạnh. Kỳ - Chính, Hư - Thực là hai đôi đối nghịch chỉ các lực lượng có nhiệm vụ bổ túc lẫn nhau. Chẳng hạn như người ta có thể dùng lực lượng bình thường để đối trận nhưng dùng lực lượng bất thường để chiến thắng. Trong khi lực lượng bình thường cầm chân địch tại trận tiền thì lực lượng bất thường tấn công vào bên hông hay tập hậu. Phối hợp hai lực lượng này một cách thích hợp trong chiến dịch sẽ đem lại thắng lợi. Dù một lực lượng quân sự lớn cách mấy vẫn có mặt mạnh, mặt yếu. Nếu biết dùng lực lượng thực của ta đánh vào chỗ hư của địch, kết quả cũng như dùng đá chọi trứng.

Không lời bình luận nào nói về sự quan trọng của nguyên tắc Kỳ - Chính, Hư - Thực và những nhiệm vụ phụ rõ ràng hơn lời Đường Thái Tông nói với Lý Vệ Công (Lý Tĩnh):

Theo ta không cuốn binh thư nào hơn Tôn Tử, trong đó không gì quan trọng hơn nguyên tắc Hư - Thực ... Dạy cho tướng lãnh cách áp dụng Kỳ và Chính vào chiến trận trước và rồi cách điều binh theo Hư - Thực. Nếu người không biết cách dùng Kỳ như Chính, Chính như Kỳ thì không mong rằng họ biết rằng Hư cũng có thể dùng như Thực, Thực cũng như Hư. Việc dùng Kỳ hay Chính trên căn bản là theo mình nhưng tình trạng Hư hay Thực là theo đội hình của địch. Sự thay đổi dùng Kỳ hay Chính phải hợp với đội hình địch Hư hay Thực. Nếu địch Thực, ta phải dùng Chính binh, nếu địch Hư ta phải dùng Kỳ binh. Nếu một viên tướng không biết dùng Kỳ - Chính thì dù có biết khai thác chỗ yếu, chỗ mạnh của địch thì cũng không áp dụng được cho chu đáo.

Mặc dầu nhiều bình luận gia nghi ngờ về sự chân xác của lời độc thoại này và đặt câu hỏi về giá trị của việc áp dụng Kỳ - Chính, những nguyên tắc căn bản và quan hệ hỗ tương giữa Kỳ - Chính, Hư - Thực vẫn còn có thể chấp nhận được.

Quả thực không một cuốn binh thư nào bàn về nguyên tắc này một cách rõ ràng hơn Tôn Tử. Ngô Tử, Úy Liễu Tử và Thái Công thỉnh thoảng có dùng các từ ngữ đó trong sách của họ nhưng không đưa ra một lý luận có hệ thống. Mục tiêu của việc dùng Kỳ - Chính, Hư - Thực là tập trung một lực lượng ưu thắng đánh vào một vị trí đã chọn trong một cuộc tấn công bất ngờ.

C/ Ưu thế quân số

Quan điểm bình thường nhất cũng biết là nguyên tắc sơ đẳng trong chiến trận là tập trung lực lượng vào một mặt để áp đảo đối phương bằng ưu thế lực lượng. Khi Tôn Tử bàn về chiến lược tấn công, ông viết: "khi ta mười mà địch một thì bao vây, khi ta gấp năm địch thì tấn công, khi gấp đôi địch thì chia cắt họ"²⁸

Dựa vào đó chúng ta hiểu rằng Tôn Tử rất chuộng ưu thế về quân số. Khi lực lượng dưới các tiêu chuẩn ông đưa ra người ta mới phải dùng đến nguyên tắc Kỳ - Chính, Hư - Thực để vận dụng tình thế. Ngay cả khi lực lượng gấp đôi địch quân, người ta cũng không tấn công nếu không chia cắt một phần ra khỏi trận địa để làm cho địch suy yếu ngõ hầu đạt được ưu thế tuyệt đối về quân số. Cho nên khi lực lượng ngang với địch Tôn Tử cũng không dám quyết thắng. Còn khi lực lượng yếu hơn địch thì ông đề nghị rút lui để tránh bị địch bắt.

Mặc dầu các chiến lược gia khác như Ngô Tử, Úy Liễu Tử, Thái Công không nhấn mạnh vào sự quan trọng của ưu thế quân số như Tôn Tử nhưng họ cũng đề nghị nên áp đảo đối phương bằng một lực lượng mạnh hơn. Thái Công chẳng hạn đề cao nguyên tắc "nhất". Ngoài những vấn đề khác, nhất có nghĩa là lực lượng phải luôn

²⁸ Cố dụng binh chi pháp, thập tắc vi chi, ngũ tắc công chi, bội tắc phân chi. (Tôn Tử Binh Pháp, Mưu Công Thiên)

luôn tập trung vào một điểm hay một mặt. Có như thế, viên tướng mới có thể đánh địch bằng sức mạnh tối đa mà ông ta có. Nguyên tắc tương tự cũng tìm thấy trong Úy Liễu Tử. Ông ta nói rằng một đoàn quân có thể thắng trận nếu biết tập trung lực lượng đúng mức, và có thể thua nếu bị phân tán và chia cắt.

Ngô Tử hầu như không nói gì tới lợi ích của ưu thế về số lượng. Trái lại, ông thường nhấn mạnh tới nguyên tắc có thể đánh bại một quân địch đông đảo hơn bằng một đạo quân ít nhưng thiện chiến, ông thường khẳng định rằng nếu biết chọn cách tấn công thích đáng thì có thể thắng một quân địch đông gấp mười.

Trên thực tế, người ta không thể luôn luôn mong được quân số đông hơn địch và cũng không thể chỉ rút lui khi yếu sức hơn. Ngay cả Tôn Tử cũng không nghĩ rằng hề cứ ít quân hơn là tránh né mà phải biến đổi những bất lợi đó bằng cách dùng Kỳ - Chính hay Hư - Thực. Tôn Tử nói là "quân phải đối phó với tấn công của địch mà không bị đánh bại nhờ vào phép kỳ chính"²⁹. Phối hợp kỳ chính vô cùng vô tận, không ai có thể dùng hết được³⁰

Nếu biết dùng nguyên tắc Kỳ - Chính, người ta giữ được thế chủ động tại mặt trận. Muốn làm chủ tình thế, phải chọn được thời gian và địa điểm chiến trường, phải làm sao cho địch không biết ta điều quân ra sao trong khi ta biết rõ cách bố trí của địch. Như thế thì khi ta muốn đánh, dù địch có ẩn sau thành cao hào sâu cũng không tránh được vì có thể ta sẽ tấn công vào những vị trí mà địch không đề phòng. Khi muốn tránh đối trận thì ta có thể vạch một lần ranh trên mặt đất, kẻ địch không tấn công được vì ta có thể dụ địch đi đâu thì đi.³¹

Nếu người ta có thể làm được như Tôn Tử đề ra thì sẽ có thể tập trung lực lượng trong khi địch chia rẽ. Do đó, ta có thể dùng toàn

²⁹ tam quân chi chúng, khả sử tất thụ địch nhi bại giả, kỳ chính thị dã. Tôn Tử Binh Pháp, Binh Thế Thiên

³⁰ Chiến thế, bất quá kỳ chính. Kỳ chính chi biến, bất khả thắng cùng dã

³¹ Nguyên văn: Cố ngã dục chiến, địch tuy cao điệp thâm câu, bất đắc bất dữ ngã chiến giả, công kỳ sở tất cứu dã. Ngã bất dục chiến, tuy hoạch địa nhi thủ chi, địch bất đắc dữ ngã chiến giả, quai kỳ sở chi dã (Tôn Tử Binh Pháp, Hư Thực Thiên)

lực tấn công vào một phần bộ của địch và như thế sẽ có ưu thế trội về quân số.³²

D/ Địa Hình và Chiến Thuật

Hoạt động của con người bị ảnh hưởng bởi hình thể địa lý dưới nhiều mức độ khác nhau. Tùy theo mục đích của từng người, ảnh hưởng của địa thế trên hành động có thể tiêu cực hay tích cực. Nếu một vị tướng nắm được chủ động thì sẽ khai thác được địa lợi. Đó là lý do tại sao Tôn Tử nói rằng địa hình có thể hỗ trợ rất lớn cho chiến đấu.

Trong các chiến lược gia thời xưa, không ai bàn nhiều về địa hình địa vật như Tôn Tử. Trong 13 thiên Tôn Tử Binh Pháp, ông dành 4 chương bàn về ảnh hưởng của các loại địa thế trong chiến trận. Ông xếp loại các thế đất quan trọng và liệt kê những bất lợi trong việc hành binh. Ông cũng chỉ cho phải ứng phó với từng loại địa hình như thế nào. Ông không bàn về làm cách nào khai thác ưu điểm của từng loại hình thế trên mặt trận nhưng không vì thế mà chúng ta có thể phủ nhận việc Tôn Tử áp dụng chiến đấu theo địa hình. Ngược lại, ông khẳng định rằng lực lượng bạn phải luôn luôn đến trước để nắm vững hình thế ngõ hầu chiếm được thượng phong. Ông viết:

Nói chung, kẻ nà chiếm được chiến địa để đợi địch sẽ nhàn nhã, kẻ nào đến sau vội vã sẽ mệt mỏi. Trong khi ta nghỉ ngơi thì địch kiệt sức. Đó là kiểm soát được các yếu tố vật chất.³³

Tuy Tôn Tử nhấn mạnh về sự quan trọng của ưu thế quân số, ông cũng nhận ra rằng đông hơn chưa phải là yếu tố quyết định. Với nguyên tắc Kỳ - Chính, Hư - Thực Tôn Tử không bỏ qua việc khai thác lợi điểm của địa hình.

Mặc dù Tôn Tử đưa ra việc áp dụng địa thế một cách có hệ thống và thay đổi chiến thuật theo từng vùng, chính Ngô Tử mới là

³² Ngã chuyên vi nhất, địch phân vi thập, thị dĩ thập công kỳ nhất dã

³³ Nguyên văn: Phàm tiên xứ chiến địa nhi đãi địch giả đạt, hậu xứ chiến địa nhi xu chiến giả lao. (Hư Thực Thiên)

người chú trọng nhất vào lợi dụng hình thể mặt đất. Ông nhấn mạnh vào sự quan trọng của địa hình tăng cường cho một quân số ít người. Ông thường viết là quân số không phải yếu tố quyết định cho cuộc chiến. Một đội ngũ có kỷ luật được huấn luyện kỹ và biết cách khai thác địa thế có thể đánh bại một lực lượng đông gấp mười. Khi Vũ Hầu hỏi về việc tấn công một địch quân đông đảo hơn, ông trả lời:

Nếu đất dễ thì nên tránh, nếu đất hiểm yếu thì nên tấn công. Cho nên khi một chống mười thì không gì bằng nơi đất hiểm, khi mười chống trăm thì không gì bằng đất dốc, khi ngàn chống vạn, không gì bằng đường đèo. Nếu chúa công có một lực lượng nhỏ bất thần tấn công kẻ địch nơi đường hẹp, lại đánh trống khua chiêng thì dù địch có lớn cũng phải kinh sợ. Cho nên nói rằng nếu cầm quân nhiều thì nên tìm đất dễ, cầm quân ít thì phải tìm đất hẹp.³⁴

Dựa trên nhận thức đó, Ngô Tử liệt kê thế đất là một trong bốn yếu tố mà một vị tướng phải quen thuộc trước khi điều quân. "Khi đường hẹp và nguy hiểm, nơi có núi cao và đèo hình cổ chai thì là chỗ mười người phòng thủ, nghìn người không qua được chính là nhờ vào thế đất"³⁵

Vũ Vương cũng đã nhiều lần hỏi Thái Công về những chiến thuật sử dụng theo từng địa thế khác nhau. Cũng tương tự như Tôn Tử và Ngô Tử nhưng Thái Công đào sâu hơn vào vấn đề và chú trọng đến hành quân tại những vùng đất đai hiểm trở nhất là trong trường hợp tấn công.

Trong vai trò một nhà cách mạng phải đối phó với quân đội hùng mạnh của nhà Thương, Thái Công biết rằng sẽ không thể đánh bại kẻ địch bằng một lực lượng nhỏ hơn để thay thế triều đại này nếu ông không tìm ra một chiến thuật mới làm cho địch rối loạn.

³⁴ Nguyên văn: Vũ Hầu vấn viết: Nhược địch chúng ngã quả, vi chi nại hà ? Khởi đối viết: Tị chi ư dị, yêu chi ư ách. Cố viết, dĩ nhất kích thập, mạc thiện ư ách, dĩ thập kích bách, mạc thiện ư hiểm, dĩ thiên kích vạn, mạc thiện ư trở. Kim hữu thiếu tốt, tốt khởi, kích kim minh cổ ư ách lộ, tuy hữu đại chúng, mạc bất kinh động. Cố viết, dụng chúng giả vụ dị, dụng thiếu giả vụ ái. (Ngô Tử Bình Pháp, Ứng Biến Thiên)

³⁵ lộ hiệp đạo hiểm, danh sơn đại tắc, thập phu sở thủ, thiên phu bất quá, thị vị địa cơ (Ngô Tử, Luận Tướng)

Để đạt tới mục tiêu đó, Thái Công phác họa một loại chiến xa mới kéo bằng bốn con ngựa và vô số khí giới mới. Để sử dụng các loại vũ khí mới này, ông cũng đề ra những chiến thuật mới. Thái Công là chiến thuật gia cổ thời đầu tiên bàn về các hoạt động phối hợp nhiều loại lực lượng khác nhau trên nhiều hình thế đất đai khác nhau, bàn về việc dùng chiến xa và các đội kỵ binh và sử dụng bộ binh trong những tình trạng khác nhau.

Trong cuộc thảo luận dài với Vũ Vương về chiến thuật quân sự, ông bao gồm đủ loại các chiến dịch trên đủ loại địa hình như tại vùng núi non, sông hồ và rừng rú. Rõ ràng là trong vai trò một cách mạng gia, Thái công nghiêng về công kích. Tuy nhiên, khi phân tích tiềm năng các lực lượng trên các thế đất, ông vẫn có cái nhìn rất cân đối. Ông không bỏ qua ưu thế của địa hình trong phòng ngự nhất là khi thảo luận về nguyên tắc tấn công một kẻ địch đông đảo bằng một lực lượng nhỏ bé. Ông nhấn mạnh vào việc lợi dụng các hình thế đặc biệt như lòng chảo hay dốc đá để ngăn chặn kỵ binh và chiến xa của địch quân.

Khi thảo luận về các chiến dịch vùng núi non, Thái Công đưa ra một chiến thuật đặc biệt gọi là Ô Vân Trận (Wuyunzhen), trong đó quân đội được bố trí nhíp nhàng phòng thủ tất cả các hướng có thể xâm nhập.

Theo Tướng Từ Bội Căn trong Thái Công Lục Thao Kim Chú Kim Dịch (Đài Bắc, Thương Vụ 1976) ô vân trận giống như đàn quạ và đám mây tan hợp di động một cách nhíp nhàng. Một lực lượng trừ bị được giữ lại để đối phó với những nhu cầu bất ngờ. Thái Công có lẽ là người đầu tiên phân biệt lực lượng tấn công và lực lượng trừ bị.

Trong việc khai thác địa hình, Tư Mã Pháp đề nghị nên chọn đất cao ở phía sau và phía bên phải, đất hiểm và đất dốc bao che một bên hông.

E. Đánh bại địch bằng cách làm suy bại tinh thần địch

Ngoài việc có ưu thế quân số và lợi điểm địa hình, người ta còn phải khai thác những cơ hội đặc biệt để tấn công bất ngờ hầu đánh bại địch dễ dàng. Tôn Tử gọi là nguyên tắc kiểm soát luân lý, tinh thần, vật chất và yếu tố hoàn cảnh. (khí, tâm, lực, biến-Tôn Tử, Quân Tranh Thiên)

Tôn Tử thường nhấn mạnh rằng một vị tướng phải luôn luôn khai thác tình trạng quân địch và tìm lợi thế để dẫn đến thắng lợi. Dùng lực lượng chiến đấu cũng chẳng khác gì lăn gỗ hay lăn đá. Khi gỗ đá ở "trên đất bình ổn thì cũng bình ổn, trên đất không bình ổn thì nó chuyển động. Nếu nó vuông thì nó đứng nhưng nếu nó tròn nó sẽ lăn. Vì thế sức mạnh của quân đội được điều động thích đáng chẳng khác gì các tảng đá tròn lăn trên triền núi cao xuống",³⁶

Không giống như ưu thế quân số và lợi điểm địa hình, cái gọi là tình trạng ở trên liên quan đến tâm hồn và điều kiện vật chất do ảnh hưởng bởi thời tiết, tiếp liệu và điều kiện sinh sống. Tôn Tử có nói rằng "lấy quân ở gần chiến trường đợi địch đến từ xa, trong tình trạng nghỉ ngơi trong khi địch kiệt sức, được nuôi dưỡng đầy đủ trong khi địch đói khổ",³⁷ Nếu bắt được giây phút đó để đối địch thì thắng dễ như lăn đá từ trên một triền dốc cao xuống. Lực dùng một phút mà kết quả thì vô cùng to lớn.

Một cơ hội khác còn đặc dụng hơn để tấn công là khi địch hàng ngũ, sắp xếp chưa tề chỉnh, rối loạn và tinh thần xuống thấp vì chỉ huy kém hay vì nội bộ bất hòa. Tôn Tử đã từng nhắc nhở là một vị vua chúa kiêu căng can thiệp vào việc binh có thể làm cho quân ngũ rối loạn và gieo nghi kỵ trong các cấp chỉ huy. Nếu quân ở trong tình trạng như thế thì sẽ rất dễ bị đánh bại trên chiến trường. Có lẽ vì thế mà Tôn Tử nói rằng "một đội quân có thể bị cướp đi tinh thần và

³⁶ Nguyên văn: Cố thiện chiến giả, cầu chi ư thế, bất quý ư nhân cố năng trạch nhân nhi nhiệm thế. Nhiệm thế giả, kỳ chiến nhân dã, như chuyển mộc thạch. Mộc thạch chi tính, an tắc tĩnh, nguy tắc động, phương tắc chỉ, viên tắc hành. Cố thiện chiến chi thế như chuyển viên thạch ư thiên nhận chi sơn giả, thế dã. (Tôn Tử, Binh Thế Thiên)

³⁷ dĩ cận đãi viên, dĩ dật đãi lao, dĩ bảo đãi nga (Tôn Tử, Quân Tranh Thiên)

tướng mất hết can đảm”³⁸. Nếu quân suy nhược thì tướng mất tinh thần.

Khi bàn về vấn đề này Ngô Tử nhiều trường hợp cụ thể chứ không phải chỉ lý thuyết chung. Ông liệt kê 8 hoàn cảnh có thể tấn công mà không nghi ngại gì. Đó là các trường hợp quân địch mỗi mệt, xuống tinh thần vì thời tiết khắc nghiệt, thiếu tiếp tế hay tương quan giữa cấp trên cấp dưới không thuận thảo.

Ngoài ra, có những trường hợp địch lâm vào thế bất lợi, hàng ngũ dễ rối loạn và có thể bị đánh tan không mấy khó khăn chẳng hạn như địch đang tiến tới chưa chỉnh đốn kịp, hạ trại nhưng chưa bố phòng. Khi gặp những trường hợp đó cần phải tấn công thần tốc và thường là thắng trận.

Là nhà cách mạng, chiến lược chủ yếu của Thái Công là lấy một chống mười hay đánh bại một lực lượng đông bằng quân số ít nhưng tinh nhuệ. Để đạt mục tiêu đó ông đề ra nhiều chiến thuật khác nhau. Ông phân tích kỹ càng thời điểm tấn công. Chẳng hạn như ông liệt kê 14 hoàn cảnh mà địch quân có thể bị tiêu diệt dễ dàng. Khi địch kinh hoàng, kiệt sức, hạ trại hay khi có bão và vì thế bố phòng khó khăn thì phải lợi dụng ngay để tấn công. Ông thích đánh bại kẻ địch đông gấp mười.

Tư Mã Pháp mô tả tương tự về cách nào để chọn cơ hội tấn công ngõ hầu đánh bại kẻ địch một cách dễ dàng. Ông cho rằng thời điểm thích hợp để tấn công là khi địch quân chưa chỉnh tề hay đang vội và khi địch quân đang kinh khiếp thì nên đánh bồi thêm.

F. Thu lượm tin tức và Sử dụng Gián điệp

Nói chung, thành quả một chiến dịch tùy thuộc vào sự phán đoán của người chỉ huy, và việc đó lại do cách nào có được tin tức chính xác về tình trạng bố phòng của địch. Tôn Tử nói rõ là "biết mình biết người trăm trận không nguy". Ông cũng nhấn mạnh vào việc cần thiết phải bảo mật với địch để có thể tự do trong hành động. Ông nói:

³⁸ cố tam quân khả đoạt khí, tướng quân khả đoạt tâm (Tôn Tử, Quân Tranh Thiên)

Nếu ta có thể biết được địch bố trí ra sao trong khi ta dấu kín được thì ta ta tập trung mà địch chia cắt ... Nơi đó, ta có ưu thế về quân số.³⁹

Nếu biết sử dụng tin tức về địch một cách thích đáng, ta có thể chọn được thời gian và địa điểm và do đó cơ hội thắng sẽ cao hơn. Trái lại nếu không biết gì về địch, người chỉ huy không biết được chiến địa hay thời gian giao tranh và do đó lực lượng họ không thể tiếp ứng lực lượng kia.

Biết mình và biết người đòi hỏi một quá trình phức tạp trong thu lượm tin tức ở hai cấp độ: chiến lược và chiến thuật. Trên bình diện chiến lược, tin tức cần thiết bao gồm cả tình trạng xã hội - chính trị, kinh tế và quân sự của nước địch. Tin tức này có thể thu lượm hoặc từ tài liệu chính thức phổ biến cho công chúng, hoặc do gián điệp và đặc vụ thu thập. Tin tức chiến thuật chủ yếu do chính lực lượng chiến đấu thu thập ngay tại mặt trận.

Tôn Tử bỏ riêng một chương trong Tôn Tử Binh Pháp để bàn về vấn đề này. Theo ông, trong một trận chiến quyết định nếu không biết gì về tình trạng của địch thì là thiếu lòng nhân. Minh quân hiền tướng có thể đánh bại địch quân dù họ có biến hóa thế nào chẳng nữa chính là vì "biết trước" và điều đó "không phải từ thần thánh hay suy ra từ việc cũ, hay do tính toán mà phải từ những người biết rõ tình trạng của địch"⁴⁰. Người của Tôn Tử đề cập ở đây chính là gián điệp.

Tôn Tử cho rằng gián điệp là tài sản quý của một quốc gia. Không kẻ nào trong quân ngũ liên hệ mật thiết với viên tướng hơn gián điệp. Theo Tôn Tử, một tướng lãnh nếu không khôn ngoan, nhân từ, công bình không thể dùng gián điệp được. Có lẽ ông là chiến lược gia quan tâm đến dụng gián nhiều hơn cả. Không những

³⁹ Nguyên văn: Cố hình nhân nhi ngã vô hình tắc ngã chuyên nhi địch phân. Ngã chuyên vi nhất, địch phân vi thập, thị dĩ thập công kỳ nhất dã. Tắc ngã chúng nhi địch quả ... (Tôn Tử, Hư Thực Thiên)

⁴⁰ Nguyên văn: Cố minh quân hiền tướng, sở dĩ động nhi thắng nhân, thành công xuất ư chúng giả, tiên tri dã. Tiên tri giả, bất khả thu ư quỷ thần, bất khả tượng ư sự, bất khả nghiệm ư độ, tất thu ư nhân tri địch chi tình giả dã. (Tôn Tử, Dụng Gián Thiên)

ông gửi điệp viên sang trại địch mà còn hiểu được tầm quan trọng của việc chiêu mộ dân bản xứ và nội gián ngay trong quốc gia địch hay doanh trại địch. Ông còn quan tâm phát triển gián điệp nội trùng bằng cách mượn ngay điệp viên của địch. Ông nói về điệp viên sống mang tin về nhưng cũng dự trù cả những người đưa tin sai cho địch và có thể bị giết khi địch thua. Theo Tôn Tử thì ”không chỗ nào mà không dùng đến gián điệp” (vô sở bất dụng gián dã)

Việc thu lượm tin tức chiến thuật tại mặt trận phải do chính quân đội thực hiện bằng trực tiếp quan sát. Tôn Tử tóm tắt những hiện tượng thông thường và ý nghĩa của nó dựa trên kinh nghiệm của một chiến sĩ. ”Khi địch ở gần mà nằm yên ất là cậ địa thế hiểm yếu. Khi địch khiêu chiến từ xa, ất là muốn cho ta tiến lên vì họ có địa lợi hay ở đất dễ. Khi cậ lay động là địch đang tới, khi chim bay lên là dấu hiệu địch mai phục, khi cầm thú hoảng hốt chạy là ta phải đề phòng. Bụi tung thẳng lên cao là dấu hiệu có chiến xa. Bụi thấp và tản rộng là bộ binh đang tiến”⁴¹

Các chiến dịch bí mật được Ngô Tử để vào điều kiện thứ ba trong bốn điều kiện sử dụng quân đội. ”Khéo léo dùng gián điệp và tình báo” là danh ngôn của ông. Phối hợp hành động giữa khinh binh được dùng để chia cắt địch, Ngô Tử sử dụng gián điệp và tình báo để gây mâu thuẫn giữa vua với quan và tạo cho người trên kẻ dưới phiền trách lẫn nhau. Dần dần địch sẽ bị suy thoái. Ngô Tử gọi việc sử dụng mật vụ là tiềm năng liên quan đến thực trạng chiến dịch.⁴²

Úy Liễu Tử không bàn đến việc sử dụng điệp vụ như Tôn Tử nhưng ông đề nghị một hệ thống tự bảo mật trong quân đội để đề phòng tình báo địch xâm nhập, tiết lộ tin tức ra ngoài. Phương thức ông sử dụng là trách nhiệm liên đới, cấp chỉ huy và quân sĩ chịu trách nhiệm chung và bị phạt chung nếu có kẻ vi phạm quân luật mà

⁴¹ Nguyên văn: Cận nhi tĩnh giả, thị kỳ hiểm dã. Viễn nhi khiêu chiến giả, dục nhân chi tiến dã. Kỳ sở cư dị giả, lợi dã. Chúng thụ động giả, lai dã. Điều khởi giả, phục dã. Thú hãi giả, phúc dã. Trần cao nhi nhuệ giả, xa lai dã, ti nhi quảng giả, đồ lai dã. (Tôn Tử, Hành Quân Thiên)

⁴² Thiện hành gián mưu, khinh binh vãng lai, phân tán kỳ chúng, sử kỳ quân thần tương oán, thượng hạ tương cữu thị vị sự cơ. (Ngô Tử, Luận Tướng Thiên)

không ngăn chặn hay phát giác. Phương thức thứ hai ông đưa ra là kiểm soát liên lạc tin tức giữa các đơn vị. Khi quân lính hạ trại, không được phép đi từ trại này sang trại kia ngoại trừ trình được mật hiệu. Bất cứ ai vi phạm đều bị tử hình nhất là tại mặt trận. Nếu thi hành các phương thức đó, Úy Liễu Tử tin rằng quân đội sẽ có thể bảo mật được.

Thái Công cũng đặt vấn đề mật vụ và thu lượm tin tức quan trọng như Tôn Tử. Ông liệt kê 12 phương pháp bí mật có thể tóm tắt như sau: lũng đoạn vua quan địch bằng quà cáp và nữ sắc, hối lộ các đại thần và cấy gián điệp trên đất địch, kết thân với các thành phần lỗi lạc và các cấp lãnh đạo. Tin tức thu lượm được từ các nguồn này giới hạn vào trong các vấn đề chiến lược.

Trong việc thu lượm tin tức chiến thuật, Thái Công đưa ra các dấu hiệu để phân biệt địch mạnh và địch yếu. Khi một viên tướng thấy các dấu hiệu đó thì có thể đưa ra những phán đoán chính xác có nên tấn công hay tránh đối đầu với địch.

Tứ Mã Pháp dùng bốn chữ để chỉ phương pháp thu lượm tin tức. Đó là Gián Viễn, Quan Mi (Jianyuan Guanmei) có nghĩa là nếu địch ở xa thì dùng gián điệp để dò xét, còn ở gần thì quan sát trực tiếp.

G. Chiến tranh chính trị và chiến tranh tâm lý

Trong những phần trước, chúng tôi đã đề cập đến ảnh hưởng tinh thần trong chiến đấu. Chẳng hạn như Ngô Tử coi luân lý là một trong bốn tiềm năng mà một viên tướng phải biết trước khi điều quân. Úy Liễu Tử cho rằng một viên tướng sở dĩ thắng trận là bởi vì binh sĩ dưới quyền sẵn lòng chiến đấu. Khi họ có tinh thần cao thì họ đánh trận giỏi và khi tinh thần xuống thấp thì chỉ muốn rút lui. Cả Ngô Tử lẫn Úy Liễu Tử đều nhấn mạnh vào sự quan trọng của việc phá hoại tinh thần chiến đấu của địch trong khi vẫn giữ được tinh thần quân mình. Điều đó cũng tương tự như chiến tranh tâm lý và chiến tranh chính trị thời nay.

Chiến lược tiến hành chiến tranh tâm lý và chiến tranh chính trị có thể áp dụng tại nhiều mức độ khác nhau. Trước hết, nhà vua và vị nguyên soái phải vun trồng đức độ ngô hầu gia tăng sự hòa hợp giữa thiên tử với thứ dân. Trương Dự nói rằng "nếu nhà vua đối đãi với nhân dân bằng nhân nghĩa, đạo lý, tin tưởng ở họ thì quân sĩ sẽ một lòng và vui vẻ phụng sự bề trên"

Ảnh hưởng tinh thần được hầu hết các binh gia bàn đến. Theo Ngô Tử, tứ hòa là những lý thuyết quan trọng bậc nhất cho một vị quân vương thi hành trước khi khởi chiến. Khi quốc gia, quân đội, trận thế và chính chiến dịch đều hòa hài, thì cả nước sẵn sàng chiến đấu và sẽ thắng. Nếu không được thế thì đừng giao chiến. Ngô Tử nhấn mạnh vào giáo dục chính trị bằng lễ nghi và đạo đức để gây hăng hái cho ba quân. Ông viết "cần phải dạy cho quần chúng bằng cách dùng lễ nghi, và động viên họ bằng lễ phải để tạo tinh thần liêm sỉ. Chỉ người có liêm sỉ mới có thể chiến đấu, không thì chỉ có thể tự phòng mà thôi"⁴³

Đây có lẽ là lý thuyết sớm sủa nhất về giáo dục chính trị và vận động quân sĩ.

Úy Liễu Tử coi chiến thắng bằng tinh thần là thành tựu bậc nhất trong việc dụng binh. Theo ông đó là chiến tranh chính trị. Ông nói: "liên tục cải tiến sức mạnh chính trị, kinh tế, quân sự và tăng cường kiến thức về địch ngô hầu làm suy yếu và phá hủy tinh thần địch. Dẫu địch còn đó nhưng không còn chiến đấu được nữa. Thế gọi là chiến thắng bằng ảnh hưởng tinh thần"

Mặc dù Úy Liễu Tử không dùng từ ngữ chiến tranh chính trị và chiến tranh tâm lý, chúng ta cũng hình dung ra được là nếu có thể đánh bại kẻ địch mà không cần tiêu diệt lực lượng họ thì không thể nào không dùng đến chiến tranh tâm lý hay chính trị.

Có lẽ chiến lược gia đầu tiên của Trung Hoa và có thể của cả thế giới thảo luận chiến tranh tâm lý và chính trị một cách có hệ

⁴³ phạm chế quốc, trị quân, tất giáo chi dĩ lễ, lệ chi dĩ nghĩa, sử hữu sỉ dã. Phù nhân hữu sỉ, tại đại tước dĩ chiến, tại tiểu tước dĩ thủ dã (Ngô Tử, Đồ Quốc Thiên)

thống là Thái Công. Thay vì dùng từ ngữ hiện đại là chiến tranh tâm lý hay chiến tranh chính trị, Thái Công chọn chữ Văn Phạt (Wenfa) diễn tả một quan niệm tương tự. Văn phạt theo tiếng Hán có nghĩa là "tấn công bằng những biện pháp phi quân sự" hay "tấn công mà không dùng vũ khí". Trên nghĩa rộng có thể áp dụng cho cả địch lẫn cho mình. Khi nhắm vào quân mình, chủ yếu là vào tinh thần quân sĩ.

Khi áp dụng vào địch, Thái Công đề ra 3 phương pháp để đối phó với nhiều hạng người khác nhau.

* Đối với vua địch và các cận thần, chiến lược căn bản của Thái Công là tạo mâu thuẫn, chữ Hán gọi là Ly Giá. Thái Công đưa ra 12 phương pháp có thể tóm tắt trong dứt lốt, nữ sắc, điệp viên để làm suy bại, gây nghi ngờ giữa vua và tả hữu và ngay cả mua kẻ cộng tác trong các cận thần.

* Với quân địch, ta cũng áp dụng chiến thuật tương tự. Ngoài ra, một chiến lược đặc biệt được đưa ra để sao cho địch nhân tưởng lầm ta yếu đuối nên khinh địch và đâm ra kiêu căng, dễ sa bẫy và bị đánh bại. Thái Công gọi chiến lược này là "tấn công một kẻ địch mạnh để làm cho mình mạnh hơn" (công cường ích cường).

* Đối với dân chúng nước địch, chiến lược của Thái Công là chia rẽ họ với chính quyền bằng cách dụ dỗ theo mình. Thái Công gọi là Tấn Chúng Ích Chúng (Sanzhong yizhong).

* Đối với quân mình, mục tiêu đầu tiên đặt ra khi áp dụng chiến tranh tâm lý và chiến tranh chính trị là nâng cao tinh thần trong suốt cuộc chiến ngõ hầu có thể thắng trận. Để đạt mục tiêu đó Thái Công đòi hỏi cấp chỉ huy phải chia vui xẻ buồn với binh lính. Ông viết:

Tướng khôn ngoan mùa đông không mặc áo cừu, mùa hạ không dùng quạt, mưa không che dù, chịu đựng gió sương cùng với binh sĩ nếu không sẽ không thể hiểu được thực trạng của quân mình. Tướng can đảm xuống ngựa đi bộ cùng với binh sĩ qua những khe

đá, nếu không sẽ không biết được nổi khó nhọc mà binh lính phải chịu. Khi lính đã hạ trại, tướng mới đóng trại, khi bữa ăn của lính chưa nấu xong, tướng chưa được ăn.. Đó là một viên tướng tiết chế được sự ham muốn của mình. Nếu làm tướng mà chia xẻ nóng lạnh, đói khát, sướng khổ với quân sĩ, họ có thể chiến đấu tới chết để thắng trận.

Tương tự như thế, Úy Liễu Tử đưa ra cùng một chiến lược để bảo tồn tinh thần binh sĩ giống như công tác chính trị hiện nay. Tôn Tử có một phương pháp tình cảm hơn. Ông ví tướng với quân chẳng khác gì cha với con. Ông viết:

Nếu tướng coi lính như con em, thì sẽ phải cùng đi với họ vào khe núi sâu. Đối xử với họ như con để thì họ sẽ sống chết với mình.⁴⁴

Quan niệm "phụ tử binh" nay trở thành một chủ thuyết quan trọng của Trung Hoa, là một tin tưởng vững chắc trong quân đội. Các lãnh tụ hiện đại cũng đề cập tới nhiều lần. Chiến tranh tâm lý và chiến tranh chính trị đã trở nên một phần bộ quan trọng trong chiến lược ngày nay được cả cán bộ dân sự lẫn quân sự áp dụng. Hệ thống chính trị viên trong cả Hồng Quân lẫn quân đội Quốc Dân Đảng tuy mới được Tưởng Giới Thạch du nhập từ Liên Xô hồi thập niên 1920 nhưng vai trò của nó vốn dĩ hiện hữu trong các tư tưởng quân sự Trung Hoa từ thời thượng cổ.

5. VIỆC PHÁT TRIỂN CỦA LÝ THUYẾT QUÂN SỰ TRUNG HOA SAU ĐỜI TÂN

Ngay từ đầu chương này, chúng ta đã nhận rõ là các lý thuyết quân sự của Trung Hoa đã phát triển đầy đủ trước khi nhà Tân gồm thâm lục quốc. Từ đó về sau các học thuyết trở nên trì trệ. Dẫu có một số lớn tác phẩm về đề tài này được viết ra nhưng nội dung chủ

⁴⁴ Nguyên văn: Thị tốt như anh nhi, cố khả dĩ chi phó thâm cốc, thị tốt như ái tử, cố khả dĩ chi câu tử.

yếu không thay đổi gì mấy. Dựa trên nhận định đó, nghiên cứu này chỉ duyệt qua một số tác phẩm chọn lọc về lý thuyết quân sự đời Tiên Tần chứ không mở rộng sự bàn luận tới mọi tác phẩm, mọi thời đại. Tuy nhiên chúng tôi cũng lược qua một số tác phẩm sau đời Tần để khỏi có một khoảng trống lớn giữa thời thượng cổ và thời hiện đại.

Theo những tài liệu đã tìm thấy, hầu hết các binh thư từ đời Tần trở về sau chỉ được soạn thảo trong một vài thời kỳ của một số triều đại. Theo con số của Lục Đạt Tiết thì 60% của tổng số 850 tác phẩm sau đời Tần được soạn ra trong ba triều đại. Thời Minh khởi sắc nhất gồm 286 tác phẩm, thời Tống thứ nhì với 104 tác phẩm và thời Thanh thứ ba với 101 tác phẩm. Cả ba triều đại này đều phải đối phó với cường địch từ bên ngoài và luôn luôn bị xâm lấn. Cho nên lý thuyết quân sự cũng là một sản phẩm của nhu cầu xã hội. Khủng hoảng khiến con người phải đấu tranh để sống còn và từ đó nảy ra nhiều tư tưởng mới.

Tuy nhiên đó chỉ mới làm gia tăng số lượng sách vở chứ không đưa tới một sáng tạo mới nào trên lãnh vực lý thuyết. Thất bại đó cũng bởi vì xã hội Trung Hoa quá trì trệ do sự độc tôn chính trị và văn hóa sau đời Tần và nhất là sau đời Hán. Trước và trong thời Xuân Thu, chỉ các quan lại mới được giao phó việc binh bị. Huấn luyện quân sự không tách rời khỏi giáo dục dân sự. Quân sĩ có cả huấn luyện quân sự và dân sự. Đến thời Chiến Quốc, vì sự suy thoái của giai cấp sĩ phu và sự đe dọa của chiến tranh, giới nông dân trở thành xương sống của lực lượng quân sự thay thế tầng lớp quan lại. Khả năng của một người lính bình thường có sút giảm ít nhiều nhưng xã hội lúc đó vẫn phát triển trên cả văn hóa lẫn quân sự. Đến khi thống nhất đời nhà Tần và nhà Hán, xã hội Trung Hoa mất đi tính năng động vì sự chuyên chế của nhà cầm quyền. Huấn luyện quân sự tách rời khỏi giáo dục dân sự, quân lính không còn biết làm thơ và người nông dân cảm thấy xa lạ với các vấn đề quốc sự nên miễn cưỡng gia nhập quân ngũ. Sự thay đổi đó làm cho Trung Hoa mất cái tinh thần võ dũng. Giáo sư Lôi Bá Luân (Lei Bai-lun) đã mô tả hiện tượng đó là "văn hóa mà không có quân sĩ". Phẩm chất của

quân đội Trung Hoa vì thế càng xuống dốc. Do có lẽ là một trong những lý do tại sao rất ít binh thư xuất sắc trong suốt cả một thời kỳ dài sau nhà Tần và nhà Hán.

Hơn nữa, một số lớn các tác phẩm quân sự trong giai đoạn này lại do các nho sĩ soạn chứ không phải tướng lĩnh. Không có kinh nghiệm chiến đấu, những nhà nho này thường vay mượn nhiều của các tác phẩm xưa như Tôn Tử, Thái Công và viết quá nhiều về những chuyện lật lật. Sau đây là vài điểm phác họa về sự phát triển lý thuyết quân sự của thời kỳ này.

A. Trận thế

Trận thế là phương thức sắp xếp binh lữ trong chiến trận còn gọi là trận đồ (ngày nay gọi là đội hình), có thể áp dụng cho cả phòng ngự lẫn tấn công. Vũ khí và trang bị là những yếu tố ảnh hưởng đầu tiên vào các nguyên tắc chiến lược và chiến thuật. Hệ thống vũ khí ngày nay khác hẳn với gươm giáo cung tên thời xưa. Cho nên, các trận thế cổ không thể nào áp dụng cho việc điều binh thời nay nếu không thay đổi tận gốc rễ.

Nói chung, các chiến lược gia Trung Hoa trước đời Tần chỉ đề cập một số nguyên tắc căn bản của trận đồ. Chẳng hạn như Tôn Tử thảo luận về nguyên tắc trận thế chiến thuật (hình) một cách chi tiết, nhưng đề cập đến trận đồ (trận) chỉ giản lược đôi lần mà không đi sâu. Ngô Tử cũng không thảo luận chi tiết về vấn đề này. Úy Liễu Tử và Thái Công chỉ đưa ra vài lời chỉ về nguyên tắc lập trận. Thí dụ Úy Liễu Tử viết:

Nói chung, mọi thế trận đều phải đối diện với địch. Tuy nhiên có những trận đồ sắp xếp binh sĩ hướng cả vào trong lẫn ra ngoài trong đội hình tự vệ và cũng có những trận đồ bắt lính đứng hay ngồi. Đứng là để tấn công trong khi ngồi là để phòng thủ.

Sau đời Tần, trận pháp trong nhiều trường hợp trở thành đề tài chính. Một vài tác giả còn đề cập đến những trận đồ đặc biệt.

Hà Lương Thần (He Liangchen), một trong số ít người soạn binh thư thời nhà Minh có kinh nghiệm về chiến đấu đã đưa ra một hình ảnh tổng quát về sự bệnh hoạn của việc phát triển trận đồ. Kết luận của ông là trận đồ càng phức tạp thì càng khó áp dụng. Nếu ai dùng nó trên chiến trường sẽ không tránh khỏi bị đánh bại. Vua Tống Thần Tông đã chỉ ra những trận thế không thực dụng của một số người gọi là chuyên viên:

Hiện nay, các lý thuyết gia quân sự thường mượn những hình ảnh về trận đồ trong Âm Phù Kinh của Lý Thuyên để hù dọa người khác. Nó vô dụng. Dựa trên những lý thuyết này thì dường như khi hai đoàn quân thù địch gặp nhau trên chiến trường, họ phải gửi sứ giả tới để thỏa thuận về ngày giờ và địa điểm sẽ đụng độ, rồi sau đó sai người đến chặt bụi cây dọn sạch cỏ, san đất lấp hố để có một khu đất trống rộng rãi ngõ hầu có thể lập trận. Ta chắc chắn rằng điều đó không thể nào hữu hiệu.

Quả thực những nghiên cứu về trận đồ sau đời Tần đã đi quá xa hoàn toàn vượt ra khỏi thực tế. Nếu những nghiên cứu đó chỉ giới hạn trong mức độ chiến thuật thì có lẽ cũng không bị chỉ trích đến thế. Vấn đề là một số người tự xưng là chuyên môn thường cố đưa ra những trận pháp dùng đến cả chục vạn quân. Chẳng hạn như Phi Trận của Hứa Đồng đã sắp xếp cho một đạo quân 100,000 người. Nếu như thế lời phê phán của vua Thần Tông quả thực viễn kiến.

B. Việc chú trọng đến phát triển kỹ thuật

Hầu hết các binh thư trước đời Tần đều đưa ra nguyên tắc mà không đi sâu vào những điểm nhỏ nhặt. Hiện tượng đó đã bắt đầu thay đổi ngay từ cuối đời Chiến Quốc. Lục Thao và Tôn Tử Binh Pháp mới khai quật được chứng tỏ khuynh hướng đó. Mao Anh Bạch (Mao Yingbai) tác giả cuốn Giới thiệu sơ lược về binh pháp Tôn Tử và Tôn Tẫn (Tôn Tử binh pháp dũ Tôn Tẫn binh pháp giản giới, Hương Cảng, Anh Hoa 1979) đã viết là vì chưng Tôn Tử đã đưa ra một số lý thuyết không ai sánh kịp coi như hoàn chỉnh, những người đi sau Tôn Tử dường như không thêm được mấy. Cho nên, họ phải viết các chi tiết kỹ thuật. Khuynh hướng đó trở nên rất phổ

biến trong các tác giả sau đời Hán và đời Đường. Thí dụ trong Vệ Công binh pháp tập, Lý Tịnh đã thảo luận về nhiều đề mục kỹ thuật, về sau được Lý Thuyên (Li Quan) dùng lại trong tác phẩm Thái Bạch Âm Kinh (Taibaiyinjing) của ông. Những sách đó mô tả chi tiết các kỹ thuật xây tường, đắp lũy, đào hầm, đào hào, phóng nổ liên châu và các khí cụ khác cũng như các dụng cụ qua sông, hỏa công, sắp xếp yến tiệc ... Trong Hồ Kiềm Kinh, Hứa Đồng đời nhà Nguyên bàn về cách dùng cờ xí, trống và cứu thương ngoài mặt trận ... Trong Bạch Chiến Kinh Vương Minh Hạc (Wang Minghe) đề nhiều trang bàn về huấn luyện. Ông không những vẽ hình các trận đồ và đóng trại mà còn họa cả hình chỉ những cách lên xuống ngựa.

Việc phát triển này cũng có những chỗ sử dụng. Binh lính và các đội trưởng trẻ chưa có kinh nghiệm trận mạc có thể dùng các tài liệu này làm cẩm nang để huấn luyện và giải quyết các vấn đề hàng ngày.

C. Họa kiểu vũ khí

Nhiều tác phẩm quân sự đời Minh và Thanh bàn về các kiểu vũ khí. Một số vẽ vũ khí trong sách, dạy cách sử dụng và cả cách chế tạo. Vương Minh Hạc mô tả về các súng điều thương và hỏa mai, công thức của thuốc đạn và cách làm. Một tác giả vô danh khác, dùng bút hiệu là Huệ Lộc Sái Dân (Huilu Jiumin) viết một cuốn sách nhan đề Bình phích bách kim phương (Binhpi Baijin phang). Ông mô tả nhiều loại vũ khí và chiến cụ phòng thủ cũng như đi vào chi tiết nhiều trận đồ. Ông không những làm những gì Vương Minh Hạc đã làm trong việc mô tả các phương thức chế tạo vũ khí mới như súng hỏa mai, thần công và thuốc súng mà còn vẽ hình các loại thương, đao, cung. Ông còn cho các trị số đo đạc tường và vọng gác.

Việc thảo luận về hệ thống vũ khí trong các sách vở về quân sự thời Minh và Thanh có những căn bản lịch sử đáng kể. Kể từ giữa triều Minh, việc thông thương giữa Trung Hoa và Âu Châu đã bành trướng mãnh liệt. Khí giới Tây phương được nhập cảng vào Trung Hoa trong thời kỳ này. Theo Hà Lương Thần, tác giả cuốn Trận Kỷ (Zhanji), súng trường do một số người man di ở phương nam đưa

vào, có lẽ từ Âu Châu qua Đông Dương vào Trung Hoa. Ông so sánh khả năng súng của Tây Phương với súng của Nhật và các loại hỏa tiễn cổ truyền của Tàu.

Mặc dầu hỏa khí thỉnh thoảng vẫn được dùng trong quân đội Trung Hoa thời nhà Minh và nhiều binh thư cũng thảo luận chi tiết về khả năng các loại vũ khí mới nhưng không chiến lược gia nào phân tích về vai trò của các loại vũ khí này trên mặt chiến lược và chiến thuật. Thật ra, thảo luận về các trận đồ đã đến một mức thiếu thực dụng, và đã ngự trị tư tưởng của các chiến lược gia Trung Hoa suốt mấy thế kỷ cho đến cuối thế kỷ 19, sau khi nước Tàu liên tiếp bị liệt cường phương Tây đánh bại. Những người chỉ huy quân sự Trung Hoa như Tăng Quốc Phiên hay Lý Hồng Chương đã nhận thấy huấn luyện quân sự như kiểu Vạn Thắng Quân của Gordon có khác kiểu Tàu và bắt đầu phần nào thay đổi tổ chức quân sự và chiến thuật khi súng trường và súng điều thương được dùng trong binh đội Trung Hoa. Dù thế chẳng nữa, họ vẫn theo sát quan niệm về trận pháp cổ điển. Trong một lá thư gửi cho các tướng lãnh, Tăng Quốc Phiên đề cao trận thế trong Ác Kỳ Kinh (Woqijing) do Lý Thuyên soạn. Tuy nhiên Tăng vẫn linh động không đích thân kiểm soát hành vi của các tướng. Ông nói với một tì tướng là "một đại đội thì đội hình Uyên Ương hay Tam Tài rất quan trọng, một tiểu đoàn thì đội hình nào cũng phải giữ nguyên tắc một chính binh, hai kỳ binh, một đơn vị trừ bị và một đơn vị mai phục". Ngoài ra, ông để các tướng tự chọn lấy đội hình của mình.

Thật ra người Trung Hoa chưa bao giờ hiểu hoàn toàn vai trò của vũ khí mới trên chiến lược quân sự và chiến thuật dùng trong thời kỳ ấy và do đó không tái tổ chức quân đội theo những quan niệm mới về chiến lược chiến thuật. Mãi đến thập niên cuối cùng của thế kỷ 19, dưới sự lãnh đạo của Viên Thế Khải (Yuan Shikai), Trung Hoa mới du nhập hoàn toàn lối tổ chức và phương pháp huấn luyện của Âu Tây. Tuy nhiên, sự thay đổi về chiến lược và chiến thuật thì lại càng chậm hơn. Đến thời nội chiến và chiến tranh kháng Nhật 1930 - 40 Trung Hoa mới thực sự áp dụng vì phải động viên toàn lực cả vật chất lẫn tinh thần. Một vài lãnh tụ Trung Hoa bắt đầu

khai triển chiến lược và chiến thuật riêng cho phù hợp với tình trạng họ phải đối phó và dùng được những phương tiện có trong tay.

D. Âm Dương và Mê tín

Thật dễ hiểu các nhà lãnh đạo cổ thời dựa một phần lớn vào mê tín để trị dân. Thế nhưng các binh gia Trung Hoa thời xưa lại không áp dụng. Không một tác phẩm nào đời Tiên Tần lại dựa vào mê tín một cách quá đáng. Tôn Tử và Ngô Tử không đề cập đến Âm Dương hay các việc mê tín khác còn Úy Liễu Tử hoàn toàn phủ nhận công dụng của Âm Dương. Thật vậy, ông trả lời Lương Huệ Vương:

Hoàng Đế trừng phạt kẻ vô đạo bằng binh lực và cai trị xã tắc bằng đức độ. Ông ta không xem trăng sao, Âm Dương, bói toán để quyết định bao giờ.

Thái Công là binh gia duy nhất áp dụng một vài thuyết mê tín vào việc quân sự. Ông có lẽ là người đầu tiên muốn thành lập một cách thức tiên tri kết quả trận đánh bằng cách xem thiên văn tại trận tiền. Tướng Từ Bội Căn giải thích thuyết của Thái Công bằng khoa thiên văn hiện đại như hướng gió, chiều bụi bay, khói bay nhưng có lẽ đó không phải là chủ ý của Thái Công nên quan điểm của Từ không có sức thuyết phục lắm.

Các tác phẩm viết sau đời Tần, đời Hán bàn nhiều về Âm Dương, Ngũ Hành, thiên văn, bói toán, tinh tượng trong việc hành quân. Tư tưởng Đạo gia và Âm Dương được nói tới đầu tiên trong Âm Phù Kinh (Yinfujing), do Lý Thuyên đời Đường thác danh là Hoàng Đế viết. Thay vì bàn về chiến sự, suốt 30 đề mục ông chỉ nói về trời, đất, vũ trụ, thiên nhiên, lý, cơ và âm dương, đầy những từ huyền học. Vì thế các binh gia vẫn cho rằng lý thuyết quân sự cổ thời bị ảnh hưởng của Đạo Giáo. Trong nhiều sách khác cùng thời kỳ này cũng có hiện tượng ấy. Rõ rệt nhất là Hứa Đồng tác giả Hồ Kiềm Kinh (Huqian jing) bao gồm 120 tập, 450 trang. Ông dùng gần một nửa quyển sách để bàn về thiên văn, bói toán, điều tang và các

trò mê tín khác. Nguyên 7 tập toàn bàn về các thiên văn và bói toán và các tập khác cũng viết những điều liên quan đến vấn đề này.

Thuyết âm dương, ngũ hành và bói toán có thể tìm thấy từ thời Hoàng Đế, Phục Hi và nhiều người khác nhưng chỉ trở nên một trường phái triết học chính yếu trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc. Dần dần nó phổ cập vào mọi phương diện xã hội. Thực vậy, khi Hán Vũ Đế quyết định bãi bỏ tất cả các trường phái triết học chỉ giữ lại Khổng Giáo trong ý thức trên toàn quốc thì quan niệm Âm Dương, Ngũ Hành vẫn tồn tại nơi quần chúng và ngay trong các cận thần của vua.

Theo nhiều học giả thì các chiến lược gia cổ thời như Tôn Tử chẳng hạn bị ảnh hưởng bởi Đạo giáo và học thuyết Âm Dương, Ngũ Hành rất nhiều. Mặc dầu rất khó chứng minh các tin tưởng này đúng hay sai, nhưng có lẽ đúng nếu nói rằng Tôn Tử và những người khác đã phát triển lý thuyết của họ trước đời Tần thì ít bị ảnh hưởng bởi Đạo giáo, Âm Dương, Ngũ Hành như những người ở thời Hán và thời Đường. Lý do đó quá rõ ràng. Các tư tưởng gia quân sự đại diện một phần của văn hóa quốc gia và bắt nguồn từ đó nên sự phát triển các lý thuyết quân sự không thể tách rời khỏi ảnh hưởng của dòng văn hóa đất nước.

E. Kết luận

Bốn điểm vừa đưa ra để phân tích là những đặc điểm chính của sự phát triển lý thuyết quân sự Trung Hoa sau đời Tần nhưng không phải là những điểm duy nhất. Có nhiều tác phẩm giá trị chưa được nhắc tới. Có ba lý do căn bản cho việc bỏ sót này:

Trước hết, một số tác phẩm có thể hay nhưng lại không có ý nghĩa đặc biệt nào về quân sự. Tố Thư (Sushu) của Hoàng Thạch Công (Huang Shigong) chẳng hạn được viết để dạy các nhà lãnh đạo làm sao sống hòa với quần thần và làm sao cai trị đất nước. Không có gì liên quan đến quân sự cả. Còn Tam Lược (Sanlue) cũng của Hoàng Thạch Công mặc dầu vẫn được coi là binh thư từ lâu nhưng chỉ đề cập sơ qua đến quân sự. Đại Tướng Ngụy Nhữ

Lâm (Wei Rulin), tác giả cuốn Hoàng Thạch Công Tam Lược Kim Chú Kim Dịch (Huang Shigong Sanlue Jinzhu Jinyi) đã nói rằng cuốn sách chỉ chú trọng đến nguyên tắc cai trị và bình định quốc gia. Ngoài ra, việc chân ngụy của tác phẩm và người tác giả huyền sử, Hoàng Thạch Công còn là một câu hỏi. Cuốn sách có lẽ sáng tác của người ở một thời đại sau rất lâu.

Thứ đến, một lý do nữa tại sao có nhiều sách bị bỏ qua không bàn tới là vì nó có rất ít ý kiến mới mẻ mà chỉ phiên dịch lại những tác phẩm xưa. Đối thoại của Đường Thái Tông và Lý Vệ Công là một thí dụ điển hình. Nội dung chủ yếu nằm trong Tôn Tử binh pháp, tập trung vào các đề tài Kỳ - Chính, Hư - Thực như đã đề cập trước đây trong chương này. Ngoài ra, một số tác giả còn theo hình thức của Tôn Tử hay chỉ muốn chú giải lịch sử chiến tranh mà thôi. Sau cùng, chúng tôi bỏ qua một số sách khác vì một vài vấn đề, đạo làm tướng chẳng hạn, vốn dĩ rất quan trọng trong hầu hết các cổ thư thì nay không còn đặc sắc lắm. Các binh gia thời xưa nhấn mạnh vấn đề này vì trước đây thiếu các chương trình huấn luyện chính thức cho các võ quan khiến các tướng lãnh khó khăn trong việc chọn tì tướng. Hệ thống tuyển mộ và chương trình huấn luyện chính thức hiện nay đã giải quyết phần lớn các vấn đề này. Không ai trong thời hiện kim lại có thể được giao một chức vụ chỉ huy quan trọng mà không được huấn luyện chu đáo và đầy đủ kinh nghiệm. Sự kiện đó không những cải thiện đức tính của thành phần sĩ quan mà còn giải quyết phần nào khó khăn của các viên chức cao cấp trong tiến trình tuyển mộ. Cho nên, thời buổi này vấn đề đó không còn quan trọng như thời xưa.